

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH



Tiền Kiếp NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
Hậu Kiếp NGUYỄN DU, VICTOR HUGO

TÙNG THIÊN—TỪ BẠCH HẠC



TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai•không•một•năm

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAL.INFO. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn soạn giả TÙNG THIÊN – TỬ BACH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 06/02/2015

Tâm Nguyễn



TIỀN KIẾP NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
HẬU KIẾP NGUYỄN DU, VICTOR HUGO

TÙNG THIÊN — TỪ BẠCH HẠC

*Kính Dâng
Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn*



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU..... 7

CHƯƠNG I.

ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU (1766–1820) 9

- TIẾT 1. TIỂU SỬ NGUYỄN DU (1766–1820)..... 9
 - A. THÂN THỂ 9
 - B. SỰ NGHIỆP 11
- TIẾT 2. TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC ... 13
 - A. TÁC PHẨM BẰNG CHỮ HÁN..... 13
 - B. TÁC PHẨM BẰNG CHỮ NÔM 14

CHƯƠNG II

ĐẠI THI HÀO VICTOR HUGO (1802–1885)..... 17

- TIẾT I: THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP 17
 - A. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ VICTOR HUGO 18
 - B- SỰ NGHIỆP..... 19
 - C. ĐƯỜNG ĐẾN TÂM LINH (1853) 21
 - D. TRỞ VỀ TỔ QUỐC..... 22
- TIẾT II: TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC... 24

CHƯƠNG III.

CHƠN LINH CỦA NGUYỄN DU & VICTOR HUGO LÀ AI? 29

- TIẾT 1: TÌM HIỂU BẠCH VÂN ĐỘNG..... 30
- TIẾT 2: NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN..... 31
 - A. BAN CHO KINH..... 35
 - B. LẬP PHẨM CHÚC TRONG HIỆP THIÊN ĐÀI 36
 - C. CHƯỞNG GIÁO HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO 37
 - D. LỄ KỶ NIỆM (NGÀY 22–5 DL HÀNG NĂM)..... 40
- TIẾT 3. THƠ & THÁNH GIÁO CỦA NGUYỆT TÂM

| | |
|---|-----------|
| CHƠN NHƠN..... | 41 |
| ▣ A. THƠ..... | 41 |
| ▣ B. THÁNH GIÁO..... | 44 |
| ▪ KẾT LUẬN:..... | 47 |
| PHỤ LỤC 1 | |
| THÔNG ĐIỆP THẦN LINH HỌC | 49 |
| PHỤ LỤC 2 | |
| SÁU BÀI KINH DO ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN BAN CHO | 63 |
| ▪ KINH TẮM THÁNH..... | 63 |
| ▪ KINH HỒN PHỐI | 70 |
| ▪ KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI..... | 74 |
| ▪ KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI..... | 82 |
| ▪ KINH TẮN LIỆM | 86 |
| ▪ KINH ĐƯA LINH CỨU..... | 90 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 97 |
| ▪ DANH NGÔN CỦA VICTOR HUGO | 97 |

LỜI NÓI ĐẦU

NGUYỄN DU VÀ VICTOR HUGO LÀ HAI ĐẠI THI HÀO chẳng những nổi tiếng ở trong nước Việt Nam, Pháp mà còn nổi tiếng trên thế giới. Đã có nhiều bài viết về hai vị này; đặc biệt là mối quan tâm đến vai trò của thi hào Victor Hugo trong Đạo Cao Đài.

Tuy nhiên, chỉ những tác giả duy linh mới có thể hiểu Tôn giáo Cao Đài do người hay Trời sáng lập? vì sao thờ Thiên nhân? Biểu tượng Thiên nhân có phải là biểu tượng con mắt của Hội Tam điểm? tín đồ Cao Đài có thờ Victor Hugo không? Khi những tác giả viết bài về nền tôn giáo này lại đứng trên quan điểm vô thần: không tin có Thượng Đế, không tin có linh hồn thì họ nhìn đạo Cao Đài như một tổ chức chính trị; người thì cho là các vị Lê văn Trung và Phạm Công Tắc lập để mưu lợi ích cá nhân, người thì cho là chính quyền Pháp hay hội Tam điểm lập!!!

Phải hiểu con người thật sự gồm có ba phần: Xác, Hồn và Thân thì mới hiểu được Chơn Linh là gì? Phân tánh giáng sanh là sao? Trên cơ sở đó, chúng ta được dạy

rằng Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một vị Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng. Ngài có chiết Chơn linh giáng trần một kiếp tại Việt Nam là Thi hào Nguyễn Du, sau đó Ngài chiết Chơn linh giáng sanh bên Pháp là Văn hào Victor Hugo. Tín đồ Cao Đài chỉ thờ Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, vị trong tượng Tam Thánh ký Thiên Nhơn hiệp ước và là Chương Giáo của Hội Thánh Ngoại Giáo Cao Đài. Tương tự thế, tín đồ Cao Đài không thờ thi sĩ Lý Bạch mà thờ Chơn Linh của Lý Bạch, Vị Giáo Tông của Đạo Cao Đài.

Đạo và Đời tuy tương liên cùng nhau nhưng nếu chỉ biết lấy con mắt và trí não của con người trần gian hữu hình này, không chịu nâng cao tâm thức thì làm sao hiểu được cõi thiêng liêng vô hình kia? Chúng ta chỉ có thể hiểu khi chúng ta có đức tin, trực giác phát triển. Chúng ta chưa thấy Thượng Đế nhưng nhìn vào sự cấu tạo và vận chuyển trật tự của Càn khôn vũ trụ vĩ đại này, hay cấu tạo tinh vi của vạn vật, của một nguyên tử... chúng ta cảm nhận được rằng: phải có bàn tay và trí tuệ rất mực cao siêu không thể nghĩ, bàn của Đấng Sáng Tạo trong đó. Các vị Giáo chủ đã vâng lệnh Thượng Đế giáng linh lập nhiều tôn giáo để dạy dỗ, giáo hóa nhân loại. Nhân loại chỉ có tin các Ngài hay không tin? tiến về cõi Thiêng liêng Hằng sống hay chấp nhận triển miên trong tối tăm, luân hồi? Đó là quyền của mỗi linh hồn, nhưng nếu tìm cách bôi nhọ vu khống các Đấng Thiêng liêng, là tự mình cản trở bước tiến của linh hồn mình mãi mãi!

*“Con người đừng phảm tối linh,
Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi”*

CHƯƠNG I.

ĐẠI THI HÀO NGUYỄN DU (1766–1820)

- *TIẾT 1. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ*
 - ◇ *A. THÂN THẾ*
 - ◇ *B. SỰ NGHIỆP*
- *TIẾT 2. TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC*

TIẾT 1. TIỂU SỬ NGUYỄN DU (1766–1820)

A. THÂN THẾ

Nguyễn Du (chữ Hán: 阮攸) tên chữ **Tố Như**, hiệu **Thanh Hiên**, biệt hiệu **Hồng Sơn Lạp Hộ**.

- NĂM SINH & NƠI SINH:

Theo gia phả của dòng họ Nguyễn ở làng Nghi Xuân, **Nguyễn Du** sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu (tức ngày 3 tháng 1 năm 1766 tại phường Bích Câu, Thăng Long.

- CHA MẸ:

Cha là Nguyễn Nghiễm (1708 – 1775), sinh ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh, đậu Nhị giáp tiến sĩ, làm quan đến chức Đại tư đồ (Tể tướng), tước

Thượng thư bộ Hộ triều Lê.

Mẹ là bà Trần Thị Tần (1740 – 1778), quê làng Hoa Thiều, huyện Tiên Du, xứ Kinh Bắc, nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Bà Tần là vợ thứ ba của Nguyễn Nghiễm (sinh được năm con, bốn trai và một gái). Nhờ ảnh hưởng của mẹ, ông đã thừa thụ được cái tính dịu dàng, nhã nhặn và phong lưu của xứ Kinh Bắc, mà nhờ ảnh hưởng của cha, ông đã hưởng chịu được hào khí của đất Hồng Lam xứ Nghệ, cùng với lòng tiết nghĩa, khiếu văn chương, do gia phong truyền xuống trải bao nhiêu đời.

– ANHEM

Do Nguyễn Nghiễm có nhiều vợ nên Nguyễn Du có đồng anh em, nói chung đều khoa bảng đỗ đạt và có khiếu văn chương thi phú.

Gia đình Nguyễn Du không phải chỉ có nhiều người làm quan, mà còn là một gia đình có truyền thống về văn học. Nguyễn Quỳnh ông nội Nguyễn Du là một nhà triết học chuyên nghiên cứu Kinh Dịch. Nguyễn Nghiễm một sử gia, đồng thời là một nhà thơ. Nguyễn Khản anh cả Nguyễn Du giỏi thơ Nôm, hay làm thơ đối đáp với Trịnh Sâm. Rồi Nguyễn Đề anh cùng mẹ với Nguyễn Du, Nguyễn Thiện và Nguyễn Hành (cháu gọi Nguyễn Du bằng chú ruột) đều là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng.

Nguyễn Du thời ấu thơ sống trong giàu sang phú quý. Khi cha Nguyễn Du sung chức tả tướng, cùng Hoàng Ngũ Phúc đi đánh chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1774), Nguyễn Du bắt đầu chịu nhiều mất mát:

1. Năm 1775 (Ất Mùi) anh trai cùng mẹ là Nguyễn Trụ qua đời.

2. Năm 1776 (Bính Thân) cha Nguyễn Du qua đời.
3. Năm 1778 (Mậu Tuất) mẹ Nguyễn Du qua đời.

Mới 13 tuổi, Nguyễn Du mồ côi cả cha lẫn mẹ nên ông phải ở với người anh khác mẹ là Nguyễn Khản (hơn ông 31 tuổi). Hai năm sau, Nguyễn Khản đang làm Trấn thủ Sơn Tây bị khép tội mưu loạn và bị giam. Lúc này Nguyễn Du được một người thân của Nguyễn Nghiễm là Đoàn Nguyễn Tuấn đón về nuôi ăn học.

Nguyễn Du lúc nhỏ có tiếng khôi ngô. Xác nhận điều đó, Gia phả chép chuyện Diệp Quận công Hoàng Ngũ Phúc, bạn của Nguyễn Nghiễm, có lần đến chơi nhà, trông thấy tướng mạo Nguyễn Du thông minh, ông rất mến, có tặng Nguyễn Du một thanh bảo kiếm. Nhưng cuộc sống giàu sang kéo dài không được bao lâu, những biến cố dữ dội của thời đại và của gia đình đã đẩy Nguyễn Du vào gió bụi của cuộc đời.

- VỢ CON:

Nguyễn Du có 3 vợ và 18 con.

B. SỰ NGHIỆP

– Năm 1783 Nguyễn Du mười tám tuổi, đi thi hương ở Sơn Nam, đậu tam trường.

– Cha nuôi là một ông quan họ Hà, làm việc dưới triều Nguyễn Nghiễm giữ chức Chánh thủ hiệu đội quân hùng hậu ở Thái Nguyên. Sau khi người họ Hà mất, Nguyễn Du được kế chân làm chức ấy.

– Năm 1789, Tây Sơn kéo quân ra Bắc đánh tan hai mươi vạn quân Thanh, Nguyễn Du trở về quê vợ ở xã

Hải An, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Sơn Nam (Thái Bình), vài năm sau ông về quê ở Hà Tĩnh sống thời gian khá dài. Trong thời gian về quê sống “*dưới chân Hồng Lĩnh*”, thiên tài lỗi lạc của Nguyễn Du đã được ấp ủ và nảy nở.

– Đến mùa thu 1802, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện Phù Dung (thuộc Khoái Châu, Sơn Nam, nay là tỉnh Hưng Yên). Tháng 11 đổi làm Tri phủ Thường Tín.

– Năm 1803 ông được cử lên cửa Nam Quan tiếp sứ thần Trung Quốc.

– Năm 1805 Nguyễn Du được thăng Đông Các Điện Học Sĩ, phong tước Du Đức hầu. Hai năm sau, ông được cử làm giám khảo trường thi hương ở Hải Dương.

– Năm 1809 được bổ làm Cai bạ dinh Quảng Bình. Nguyễn Du giữ chức này trong bốn năm liền. Gia phả chép: “*Ông giữ chức Cai bạ bốn năm, chính sự giản dị, không cầu tiếng tăm, nên được sĩ phu và nhân dân yêu mến*”.

– Năm 1813, Nguyễn Du thăng Cần Chánh Điện Học Sĩ và được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc. Sau khi về nước, năm 1815 ông được thăng Hữu Tham tri Bộ Lễ.

– Năm 1820 Minh Mệnh lên ngôi, định cử ông làm Chánh sứ sang Trung Quốc lần nữa, để cầu phong, nhưng chưa kịp đi thì ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (16–9–1820) ông mất đột ngột trong một nạn dịch ghê gớm làm chết hàng vạn người. Ông thọ 54 tuổi.

– Năm 1824, di cốt của ông được cải táng về quê nhà là làng Tiên Điền, Hà Tĩnh.

Cuộc đời làm quan của Nguyễn Du dưới Triều đại nhà Nguyễn nói chung không có trở ngại gì. Trong suốt

gần hai mươi năm làm quan, Nguyễn Du chỉ xin về có bốn lần, lần dài nhất là sáu tháng, còn những lần khác chỉ một hai tháng rồi ra làm việc lại. Ông được thăng chức khá nhanh và có lúc giữ những chức vụ tương đối quan trọng. Chính sách phân biệt đối xử nghiêm khắc của Triều đình nhà Nguyễn không áp dụng cho Nguyễn Du như đối với người miền Bắc, đối với các di thần nhà Lê. Mặc dù vậy, nhà thơ hình như vẫn có điều gì bất như ý sâu sắc đối với đương thời. Đại Nam chính biên liệt truyện viết: *“Nguyễn Du là người ngạo nghễ, tự phụ, song bề ngoài tỏ vẻ giữ gìn cung kính, mỗi lần vào chầu vua thì ra dáng sợ sệt như không biết nói năng gì”*. Có lần Gia Long trách ông: *“Nhà nước dùng người cứ kể hiền tài là dùng, chứ không phân biệt Nam Bắc. Người với ta đã được ơn tri ngộ, làm quan đến bậc Á khanh, biết việc gì thì phải nói cho hết chức trách của mình, sao lại cứ rụt rè, sợ hãi, chỉ vàng lời dạ dạ cho qua chuyện”*. Sách Đại Nam chính biên liệt truyện viết về cái chết của nhà thơ: *“Đến khi ốm nặng, ông không chịu uống thuốc, bảo người nhà sờ tay chân. Họ thưa đã lạnh cả rồi. Ông nói “được”, rồi mất; không trở lại một điều gì”*.

TIẾT 2. TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC

Sáng tác của Nguyễn Du được lưu hành ngay từ lúc ông còn sống. Sau khi Nguyễn Du mất chỉ vài chục năm, vua Tự Đức từng có sắc cho quan tỉnh Nghệ An thu thập tất cả di cảo của Nguyễn Du để đưa về kinh.

A. TÁC PHẨM BẰNG CHỮ HÁN

Những tác phẩm bằng chữ Hán của Nguyễn Du rất nhiều, nhưng mãi đến năm 1959 mới được ba nhà nho là:

Bùi Kỷ, Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh sưu tầm, biên dịch, chú thích và giới thiệu tập: *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* (NXB Văn hóa, 1959) chỉ gồm có 102 bài. Đến năm 1965 NXB Văn học đã ra *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* tập mới do Lê Thước và Trương Chính sưu tầm, chú thích, biên dịch, sắp xếp, gồm 249 bài như sau:

- **Thanh Hiên thi tập** (Tập thơ của Thanh Hiên) gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan nhà Nguyễn.
- **Nam trung tạp ngâm** (Ngâm nga lật vật lúc ở miền Nam) gồm 40 bài, viết khi làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh.
- **Bắc hành tạp lục** (Ghi chép linh tinh trong chuyến đi sang phương Bắc) gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

B. TÁC PHẨM BẰNG CHỮ NÔM

Những tác phẩm bằng chữ Nôm của Nguyễn Du gồm có:

- **Văn chiêu hồn** (tức Văn tế thập loại chúng sinh, dịch nghĩa: Văn tế mười loại chúng sinh), hiện chưa rõ thời điểm sáng tác. Trong văn bản do Đàm Quang Thiện hiệu chú có dẫn lại ý của ông Trần Thanh Mại trên “*Đông Dương tuần báo*” năm 1939, thì Nguyễn Du viết bài văn tế này sau một mùa dịch khủng khiếp làm hàng triệu người chết, khắp non sông đất nước âm khí nặng nề, và ở khắp các chùa, người ta đều lập đàn giải thoát để cầu siêu cho hàng triệu linh hồn. Ông Hoàng

Xuân Hãn cho rằng có lẽ Nguyễn Du viết *Văn chiêu hồn* trước cả *Truyện Kiều*, khi ông còn làm cai bạ ở Quảng Bình (1802–1812). Tác phẩm được làm theo thể song thất lục bát, gồm 184 câu thơ chữ Nôm.

- **Thác lời trai phường nón**, 48 câu, được viết bằng thể lục bát. Nội dung là thay lời anh con trai phường nón làm thơ tỏ tình với cô gái phường vải.
- **Đoạn trường tân thanh** (có nghĩa Tiếng than van mới đau lòng đứt ruột. Tên phổ biến là *Truyện Kiều*), được viết bằng chữ Nôm, gồm 3–254 câu thơ theo thể lục bát. Nội dung của truyện dựa theo tác phẩm *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Quốc. Nội dung chính của truyện xoay quanh quãng đời lưu lạc sau khi bán mình chuộc cha của Thuý Kiều, nhân vật chính trong truyện, một cô gái có tài sắc.

Trong suốt *Đoạn Trường Tân Thanh*, Nguyễn Du đã gửi gắm trọn vẹn nhân sinh quan của con người, nói lên cuộc đời là bể khổ, là nghiệp quả phải trả...

Trải qua một cuộc bể dâu

Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Tất cả đều vô thường, chỉ còn lại một chữ TÂM làm cốt tủy chân lý:

“Thiên căn ở tại lòng ta

Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ tài”

Khi nhà thơ thốt lên:

Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

(Ba trăm năm sau / có ai khóc cho đời Tố Như không?)

Nhiều người nghĩ rằng ông không biết đời sau có ai khóc thương cho mình? Không phải vậy. Nguyễn Du là một nhân tài kiệt xuất, kiến thức rộng. Được sinh ra trong một gia đình truyền thống khoa bảng, địa vị cao trong xã hội, một tâm thức duy linh. Người có tấm lòng, một tâm hồn, một trí tuệ như thế hẳn sẽ không mong đợi đời khóc thương cho mình mà ẩn ý khóc thương cho số phận của con người... Đọc Đoạn Trường Tân Thanh, không khóc thương cho Thúy Kiều mà con người sẽ khóc cho đời người, như một thi sĩ đã viết:

“Biển khổ mênh mông sóng ngập trời.

Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.

Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió.

Xem lại cùng trong biển khổ thôi”

Sự nghiệp văn chương của Đại thi hào Nguyễn Du để lại trong kho tàng văn học Việt Nam là vô giá. Chỉ riêng kiệt tác Truyện Kiều đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và Nguyễn Du đã được UNESCO công nhận là **Danh nhân văn hóa thế giới** vào dịp kỷ niệm 200 năm ngày sinh của ông.

CHƯƠNG II

ĐẠI THI HÀO VICTOR HUGO (1802–1885)

- TIẾT 1: THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP
 - ◇ A. THÂN THỂ
 - ◇ B. SỰ NGHIỆP
 - ◇ C. ĐƯỜNG ĐẾN TÂM LINH (1853)
- TIẾT 2: TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC

TIẾT 1: THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP



A. SƠ LƯỢC TIỂU SỬ VICTOR HUGO

- NĂM & NƠI SINH:

Victor Marie Hugo sinh ngày 26-2-1802 tại Besancon nước Pháp.

- CHA MẸ:

Cha ông tên Joseph Léopold Sigisbert Hugo (1773–1828). Ông Joseph đã phục vụ quân đội Pháp trong thời kỳ cách mạng và lên tới cấp bậc đại tá. Về sau, do lòng dũng cảm và công trạng chiến trường, trở thành một vị tướng trong quân đội dưới triều vua Napoléon.

Mẹ là Sophie Trébuchet (1772–1821), gốc ở Bretagne. Ông Léopold thường ở ngoài mặt trận, chỉ huy quân đội, hết đi từ Ý đến Y Pha Nho. Bà Sophie sống tại Paris với các con và qua đời vì bệnh.

- ANH EM

- Jean François Abel Joseph Hugo (1798–1855)
- Eugène Hugo (1800–1837)

- VỢ:

Adèle Julie Foucher (1803–1868). Victor cử hành lễ cưới Adèle tại nhà thờ Saint Sulpice lúc ông mới 20 tuổi.

- CÁC CON:

Có 5 người con mang tên theo thứ tự như sau: Leopold Hugo (1923–mất hai tháng sau khi sinh), Leopoldine Hugo (1824–1843), Charles Melanie Abel Hugo (1826–1871), Francois-Victor Hugo (1828–1873), Adèle Hugo (1830–1915)

Con gái lớn Leopoldine và chồng mới cưới đi du

lịch và cùng bị chết đuối khi tắm biển. Nỗi buồn này được ghi lại trong tập thơ bất hủ LES CONTEMPLATIONS (Trầm tư).

B- SỰ NGHIỆP

– Năm 1816, Victor theo học tại trường Trung học Louis Le Grand cùng với anh Eugène. Tại trường trung học, Victor Hugo là một học sinh xuất sắc về Toán và Văn chương. Chương trình học rất nặng, nhưng hễ rảnh lúc nào là Victor làm thơ lúc ấy. Đến cuối năm 1817, Victor lúc 15 tuổi đã có tập thơ đầu tiên: Poésies diverses gồm mấy ngàn câu thơ. Khi Hàn Lâm Viện Pháp mở một cuộc thi về thơ với đề tài “*Cái vui của sự học trong mọi hoàn cảnh của đời người*”, Victor liền làm xong một bài thơ gồm 334 câu, được xếp hạng 9. Tập thơ không được giải thưởng, nhưng Victor lại nổi danh. Các báo ở Paris đều viết bài khen Victor Hugo là thần đồng. Thi đàn Académie des Jeux floraux ở Toulouse tổ chức một cuộc thi về thơ với đầu đề “*Dựng lại tượng vua Henri IV*”. Victor dự thi và dùng thể thơ 12 cước xen lẫn 8 cước, kỹ thuật đã cao, cân đối nhịp nhàng. Bài được chấm giải nhất, thắng cả Lamartine, lúc đó hơn cậu 10 tuổi.

– Năm 1818, Victor Hugo ghi danh vào Đại Học Luật Khoa Paris

– Năm 1819, do sự khuyến khích của bà mẹ, Victor Hugo cùng với hai anh đã lập ra tạp chí văn học “*Le Conservateur Littéraire*”; qua đó, các bài của ông viết về hai nhà thơ Alphonse de Lamartine và André de Chénier, đã được nhiều người chú ý. Trong một cuốn sổ ghi, Victor Hugo đã viết: “*Tôi sẽ trở nên một Chateaubriand hoặc chẳng*

ra gi”. Chateaubriand là nhà văn hàng đầu của nước Pháp vào đầu thế kỷ 19. Khi bà mẹ qua đời vào năm 1821, Victor Hugo đã từ chối nhận trợ cấp của cha và chịu đựng cuộc sống thiếu thốn, nợ nần.

– Năm 1825 nhà báo Charles Nodier đã mời Victor Hugo tham gia vào nhóm các nhà viết văn thuộc trường phái lãng mạn (Romanticism). Vào thời kỳ này, Victor Hugo đã phổ biến một loại báo văn học có khuynh hướng ôn hòa với tên là Muse Francaise (Thi Thần nước Pháp, 1823–24).

– Năm 1825, Victor được ân tứ Bắc Đẩu Bội Tinh, cùng một lượt với Lamartine.

– Năm 1841, Victor được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp

– Năm 1848, cách mạng Pháp bùng nổ lật đổ vua Louis Philippe và thành lập chế độ cộng hòa. Victor Hugo ủng hộ chính phủ cộng hòa. Ông cùng với Lamartine và Louis Napoléon Bonaparte được bầu vào Quốc hội Lập hiến để thành lập Hiến Pháp. Louis Napoléon Bonaparte được dân chúng ủng hộ nồng nhiệt và sau đó đã đắc cử Tổng Thống. Sau, thấy Napoléon lo củng cố địa vị đăng làm vua chớ không mở rộng tự do dân chủ, Victor trở lại chống Napoléon. Ngày 2–12–1851 Louis Bonaparte giải tán Quốc Hội, tự mình lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Napoléon III. Victor Hugo vội đi tìm các bạn, tập hợp lại, hô hào tranh đấu, viết tuyên ngôn, tổ chức biểu tình lật đổ Napoléon III. Nhưng dân chúng Pháp đã chán nản cảnh hỗn loạn đổ máu, nên phong trào xẹp dần.

C. ĐƯỜNG ĐẾN TÂM LINH (1853)

Từ 1851 đến 1870 là giai đoạn sống lưu vong của ông. Victor Hugo qua được Bruxelles nước Bỉ. Ông viết thơ về bảo vợ bán hết gia sản, chuyển qua ở Saint Héliier của đảo Jersey thuộc nước Anh, gần bờ biển nước Pháp. Tháng 8 năm 1852, cả nhà đều qua tới đảo Jersey. Một việc lý thú xảy đến với Victor Hugo lúc ở đảo Jersey là Bà Delphine de Girardin từ Pháp qua thăm, bày cho Ông cầu cơ giao tiếp các Chơn Linh vô hình. Họ dùng một cái Bàn quay và đồng tử. Cầu năm đêm liên tiếp, cơ không lên. Khi Victor Hugo tò mò đến xem thì cơ lên liền. Bà Girardin hỏi: Ai đó? Cái bàn trả lời: Léopoldine (*Tên đứa con gái lớn bị chết đuối với chồng năm 1843 khi đi du lịch*). Victor Hugo rất ngạc nhiên, hỏi Léopoldine đủ thứ chuyện. Đồng tử trong buổi cầu cơ đó là Vacquerie, người thân tín của gia đình Hugo.

Đêm 11-9, 1853, buổi xây bàn được tổ chức, có mặt Ông bà Victor Hugo, hai con là Charles Hugo, Francois Hugo, và năm người bạn. Đêm ấy, vong linh Cô Léopoldine giáng bàn thăm hỏi cha mẹ và tiết lộ nhiều điều huyền bí nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục xây bàn, có vong linh xưng là **Bóng Hư Linh**, giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng như: Socrate, Luther, Mahomet, Jésus, Moise,.. và với các danh nhân như: Shakespeare, Molière, Racine,... Có nhiều vong linh ẩn danh xưng **Sứ giả Thượng Đế, Người trong cõi mộng, Bóng dưới mồ, Thần chết**,... cũng có giáng bàn.

Đêm 11–10–1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những lời khuyên bảo, những giáo lý và triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ vào việc xây bàn rất hữu ích cho loài người, Victor Hugo hỏi vong linh đang giáng:

– Những lời vàng ngọc mà chúng tôi nhận được từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một chơn truyền quý báu, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học đặng chăng?

Vong linh ấy đáp: *– Không, vì chưa đến ngày giờ.*

– Đến bao giờ? Chúng tôi còn sống đến ngày đó không?

– Nếu không thấy nơi này thì sẽ được thấy ở nơi khác. Chẳng đến ngày giờ, sẽ có lệnh. Hiện tại, có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin.

Kể từ đó, V. Hugo rất tin tưởng những vấn đề siêu hình, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh. Về sau, những Thánh giáo trong các cuộc xây bàn nói trên được ông Gustave Simon in thành sách với tựa đề là: LES TABLES TOURNANTES de JERSEY chez VICTOR HUGO. Sách này được tái bản mười lần, làm chấn động dư luận nơi nước Pháp và thế giới.

D. TRỞ VỀ TỔ QUỐC

Năm 1870, Pháp đánh thua Đức luôn 3 trận. Victor Hugo trở về Paris. Rất đông dân chúng ra tận ga đón rước Ông. Victor Hugo trở lại hoạt động chính trị. Victor Hugo được bầu làm đại biểu của Quốc Hội Pháp vào năm 1871 nhưng sau một tháng, ông đã từ chức. Năm 1873, Victor Hugo trở lại thành phố Paris và được bầu vào Thượng Viện (the Senate). Ông luôn luôn chống lại các hình thức

độc tài mới. Nhưng phe quân chủ vẫn thắng thế hơn, thương thuyết với Đức xin đình chiến và Pháp chịu bồi thường chiến tranh. Bao nhiêu chương trình dự định thực hiện của Ông đều không thành tựu như: Bãi bỏ án tử hình, cải thiện tư pháp, thành lập Liên bang Âu châu, giáo dục miễn phí và cưỡng bách, tăng quyền lợi cho phụ nữ. Victor Hugo quá chán nản, nên Ông quyết định rút lui khỏi Quốc hội. Ông trở về đời sống của người văn nghệ sĩ thuần túy.

Năm 1882, Lễ Bát tuần của Victor Hugo được tổ chức lớn lao như Lễ Quốc Khánh. Thủ Tướng Jules Ferry, đại diện chánh phủ Pháp đến chúc thọ Ông, dân chúng và học sinh diễn hành qua trước nhà và Đại lộ trước nhà Ông mang tên Hugo. Victor Hugo đã đạt đến tột đỉnh vinh quang của người cầm bút. Chưa có văn thi sĩ nào từ xưa tới nay được như vậy.

Vào năm 1868, bà vợ Adèle của Văn Hào Hugo qua đời, để lại cho ông nỗi buồn vô hạn, rồi sau đó là hai cái tang của hai người con trai, chết vào năm 1871 và 1873.

Cùng vào năm 1882, lễ thượng thọ 80 của Văn Hào được nước Pháp tổ chức long trọng với Đại Lộ d'Eylau được đổi thành Đại Lộ Victor Hugo và Văn Hào được ca ngợi như một vị anh hùng quốc gia. Sức khỏe của Victor Hugo suy yếu dần. Vào mùa hè năm 1883, Văn Hào đã để lại những điều dặn dò, được coi như lời di chúc:

- Tôi cho những kẻ nghèo 50,000 quan.
- Tôi ước mong được mang tới nghĩa trang trong quan tài của người nghèo khó.
- Tôi từ chối các lời cầu nguyện của tất cả nhà thờ.

- Tôi tin tưởng nơi Thượng Đế.
- Bản thảo tặng cho Thư viện Quốc gia Paris.

Những lúc tinh táo, Ông vẫn làm thơ. Câu thơ cuối cùng, Ông viết: *C'est ici le combat du jour et la nuit. (Đây là cuộc chiến đấu của ánh sáng và bóng tối).*

Victor Hugo bị sưng phổi và tử trần vào ngày 22 tháng 5 năm 1885, thọ 83 tuổi. Mặc dù ước vọng của ông là được chôn cất trong hoàn cảnh của kẻ nghèo, chiếc quan tài của ông được đặt tại Khải Hoàn Môn (Arc de Triomph) với 12 nhà thơ lớn đứng kế bên, có nhiều kỵ binh cầm đuốc xếp hàng chung quanh và tang lễ được cử hành long trọng như một quốc lễ để tôn kính nhà văn vĩ đại nhất của nước Pháp. Vào ngày tang lễ, dân chúng đứng xếp hàng dài từ Khải Hoàn Môn tới Công trường Concorde. Văn hào Victor Hugo được chôn trong Điện Panthéon, nơi an nghỉ của các vĩ nhân của nước Pháp.

TIẾT II: TÁC PHẨM & KHUYNH HƯỚNG SÁNG TÁC

Sự nghiệp văn chương của ông thật đồ sộ, bao gồm thơ, truyện và kịch. Dưới đây là những tác phẩm nổi tiếng và tiêu biểu của ông.

Vở kịch “*Marion de Lorme*” (1829) của ông đã bị cấm trình diễn trên sân khấu vì hình ảnh của nhà vua đã không được trình bày thuận lợi. Victor Hugo đã phản đối các cấm đoán, các giới hạn bằng vở kịch lịch sử “*Trận chiến Hernani*” (1830). Ông viết vở kịch Hernani này, dùng tới miền đất Tây Ban Nha làm địa bàn với các đặc tính trung cổ, bí ẩn và độc đáo. Vở kịch “*Hernani*” đã được trình diễn 45 lần, một thành công đáng kể đối với thời bấy giờ. Victor Hugo được ca ngợi và trở thành nhà lãnh

đạo của phong trào văn chương lãng mạn Pháp.

Giai đoạn sáng tác phong phú nhất của Victor Hugo là các năm từ 1829 tới 1843.

Năm 1829, cuốn truyện với tên là **“Ngày Cuối Cùng của một Tử Tội”** (Le Dernier Jour d'un condamné) qua đó Victor Hugo đã phản kháng án tử hình.

Năm 1831 Victor Hugo bắt đầu viết **“Anh gù của Nhà Thờ Đức Bà”** (Notre Dame de Paris, dịch sang tiếng Anh là The Hunchback of Notre Dame) là một tiểu thuyết lịch sử, đề cập tới đời sống dưới thời Vua Louis II, kết án sự bất công của xã hội. Đến 1861 tác phẩm in xong, phát hành, thành công rực rỡ. Tác phẩm này như một tiếng pháo vang lên thúc đẩy tầng lớp lao động nghèo khổ đứng lên làm cách mạng. Tiếp theo sự thành công này, Victor viết tiếp **“Người lao động của biển”** (Les travailleurs de la mer), xuất bản năm 1866. Tác phẩm này ngắn hơn Les Misérables, nhưng lại thành công hơn. Lúc này, Victor Hugo giàu rồi, Ông dùng tiền này để giúp đỡ người nghèo và những thân hữu kém may mắn.

Victor Hugo còn cho xuất hiện tập thơ **“Lá Thu”** (Le Feuilles d'automne, 1831), **“Những bài ca Hoàng Hôn”** (Les Chants du Crépuscule, 1835) mang tính chính trị, **“Những lời nội tâm”** (Les Voix intérieures, 1837) chứa đựng các ý tưởng cá nhân và triết học, **“Tia sáng và bóng tối”** (Les Rayons et les Ombres, 1840) qua đó tác giả dùng tới nhiều chi tiết, màu sắc và hình ảnh. Năm 1877, Victor Hugo viết xong tập thơ **“Nghệ thuật làm Ông”** (L'art d'être grand père).

Victor Hugo không chỉ biểu lộ các cảm tưởng cá

nhân, các câu thơ của ông còn là tiếng nói đề cập tới các vấn đề xã hội, chính trị và triết học... Lối sống xa xỉ của triều đình Louis XVI đưa tới khủng hoảng tài chính nặng nề, dẫn đến khủng hoảng chính trị là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ của cách mạng Pháp 1789, là cuộc cách mạng chống phong kiến đầu tiên của nước Pháp và cũng là của toàn nhân loại. Khẩu hiệu TỰ DO, BÌNH ĐẲNG, BÁC ÁI đã được cách mạng Pháp đề ra. Xã hội của nước Pháp vào giai đoạn này gặp nhiều bất ổn chính trị và thay đổi. Các nhà văn lãng mạn thấy rằng nhiệm vụ của họ không phải là chỉ viết ra các tác phẩm ca ngợi vẻ đẹp, điều hay, mà tài năng của họ còn phải được dùng vào việc nói lên các điều bất công trong xã hội và việc giúp đỡ các người nghèo, các người bị áp bức. Bằng tập thơ anh hùng ca “**Truyền thuyết của các thế kỷ**” (La Légend des Siècles, 1859), Victor Hugo đã nói về các tiến bộ của nhân loại qua các thế kỷ. Ông đã bàn luận tới sự tranh đấu của con người giữa điều tốt và điều xấu, con người giải phóng chính mình ra khỏi mọi tôn giáo để đi tới sự thật toàn diện và ông cũng tiên liệu sự tiến bộ của khoa học và của kiến thức. Chủ nghĩa nhân văn của V. Hugo còn được phản ánh trong niềm tin đối với sự chiến thắng của điều Thiện đối với cái Ác.

Trong thời gian sống lưu vong, Victor Hugo trở nên biểu tượng của Tự Do đối với nhân dân Pháp. Ông đã viết ra trong thời gian này các thi phẩm anh hùng ca bất hủ đồng thời hoàn thành cuốn tiểu thuyết dài nhất và danh tiếng nhất: «*Những Kẻ Khốn Cùng*» (Les Misérables, 1862), một cuốn truyện mô tả rõ ràng và trong thế kỷ 19.

Cuốn tiểu thuyết cuối cùng của Victor Hugo là cuốn

“**Chín Mười Ba**” (Quatrevingt-treize, 1874), tập trung vào năm 1793 đầy chính biến tại nước Pháp, đề cập tới sự công bằng và bác ái..

Dẫu sau này khi đã gia nhập Viện Hàn lâm Pháp năm 1841, rồi được phong tặng chức Nguyên Lão nước Pháp (Pair de France) năm 1845; những danh nghĩa cao quý ấy chẳng làm giảm sút nổi đau nhân thế của ông. Ông là nhà văn, nhà thơ vĩ đại nhất của nước Pháp. Khi được hỏi ai là nhà thơ lớn nhất của nước Pháp, văn hào André Gide đã trả lời: “*Văn là Victor Hugo*”.

Tóm lại, Victor Hugo được xem là đại văn hào, nhà thi sĩ thiên tài độc đáo nhất của nước Pháp vào thế kỷ thứ 19. Ông chủ trương văn thi sĩ có sứ mạng chỉ đường dẫn lối cho dân chúng và Ông đã rất trung thành với sứ mạng đó. Chủ trương này giống như chủ trương của phương Đông: **Văn dĩ tải Đạo**. Người văn nhân thi sĩ học được kinh sách của Thánh Hiền đời trước thì phải biết dùng văn chương thi phú mà truyền bá đạo lý cho mọi người. Victor Hugo đã giải quyết được nhiều vấn đề bản khoán thắc mắc của thời đại:

- Vấn đề nghèo đói là nguyên nhân của tội lỗi, dốt nát là nguyên nhân của sai lầm.
- Vấn đề cái tốt cái xấu, cái thiện cái ác.
- Vấn đề Thượng Đế và con người, Thượng Đế và vũ trụ.

Victor Hugo cho rằng các điều kiện xã hội phải thay đổi để cho các trẻ em được nuôi dưỡng đầy đủ, đàn ông có công việc làm ăn, đàn bà được che chở, nền giáo dục nên dành cho mọi người, cơ hội phải công bằng và giữa

con người với nhau phải có tình huynh đệ.

“Tôi đã cúi xuống đáy xã hội quan sát và đó là tất cả việc làm của tôi. Tôi muốn tiêu diệt định mệnh tàn ác đè nặng lên nhân loại. Tôi bẻ gãy ách nô lệ. Tôi săn đuổi sự nghèo đói, tôi đẩy lùi sự dốt nát, tôi làm nhẹ bớt bệnh tật. Tôi chiếu sáng cõi tối tăm. Tôi không nhìn thấy sự thù hận...”

CHƯƠNG III.
CHƠN LINH CỦA NGUYỄN DU & VICTOR HUGO LÀ AI?



- TIẾT 1: TÌM HIỂU BẠCH VÂN ĐỘNG
- TIẾT 2. NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
 - ◇ A.BAN CHO KINH

◇ B. PHẨM CHỨC TRONG HIỆP THIÊN ĐÀI

◇ C. CHƯỜNG GIÁO HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

□ TIẾT 3. THÁNH GIÁO CỦA NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

TIẾT 1: TÌM HIỂU BẠCH VÂN ĐỘNG

Bạch Vân Động: Hoa văn 白雲洞, Anh văn: The White Lodge, Pháp văn: La Loge Blanche.

Bạch Vân Động là một cái Động nơi cõi vô hình, tên là Bạch Vân, nơi ở của các vị Thánh. Từ thời cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giáng bên Âu châu, mệnh danh là Loge Blanche (Bạch Động). Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động như sau:

“Theo Kinh Phật thì trái địa cầu hiện ta đang ở nay đã đến kiếp thứ nhì. Sau bảy lần biến hóa, mỗi kỳ 61 triệu năm, vị chi là 427 triệu năm, địa cầu đã chết một lần rồi, di hài kiếp trước còn lại là Nguyệt cầu (Mặt trăng là một tinh tú đã chết, ở trên đó không có một vật sống nào).

Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với địa cầu và với các Thần linh ở địa cầu, để quen dần với đời sống ở thế gian này...”

Như vậy, Bạch Vân Động ở trên Mặt trăng. Mặt trăng là vệ tinh của địa cầu, nên nó là trạm tiếp chuyển từ các cõi của Càn Khôn Vũ Trụ đi đến địa cầu. Trên Cung trăng không có sinh vật, chỉ làm nơi trú ngụ cho các Đấng thiêng liêng trong thể dĩ thái mà thôi.

TIẾT 2: NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là một vị Đại Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng. Ngài có chiết Chơn linh giáng trần một kiếp tại Việt Nam là Thi hào Nguyễn Du, và 36 năm sau Ngài lại chiết Chơn Linh cho giáng sanh bên Pháp, tên Victor Hugo.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các vị Thánh của Bạch Vân Động lãnh lịnh Đức Chí Tôn giáng trần lập thành Hội Thánh giúp Chí Tôn khai đạo, làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế mà hoằng dương Chánh pháp, giúp tay vào công cuộc Chuyển thế. Một trong số các vị Thánh đó là Đức NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN.

Năm Đinh Mão (1927), khi Đức Hộ Pháp đến mở Đạo tại Phnom Penh (Cam Bốt), tổ chức nhiều đàn cơ, có một Đấng Thiêng Liêng hay giáng lâm đàm đạo, xưng danh là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và cho biết hóa thân tại thế chính là đại thi hào Victor Hugo của nước Pháp. Vị này cho biết: ***“Ngài đã lãnh chiếu chỉ Ngọc Hư Cung đến đây để làm vị hướng Đạo, Chương giáo của nhân loại trong thời kỳ Hạ Ngươn, kỷ Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước”***.

Trước Đền Thánh Tổ đình và nhiều Thánh Thất khắp nơi có chạm vẽ hình tượng Tam Thánh đang ký Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước, trong đó có Ngài. Ngoài nhiệm vụ giảng cơ giáo Đạo tại Hội Thánh Ngoại Giáo. Vì thế từ đó công cuộc truyền giáo ra hải ngoại được đặt dưới quyền hướng đạo của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Ngài còn giảng ban cho nhiều bài kinh về Thiên Đạo trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Đại

Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CUỘC PHÒNG VẤN ĐỨC HỘ PHÁP CỦA ĐÀI VÔ TUYẾN PHÁP Á

Năm 1952, Đài Pháp Á có phỏng vấn Đức Hộ Pháp: *“Chúng tôi ước ao được Ngài cho biết những tin tức về ảnh hưởng của nhà thi hào Victor Hugo đối với Đạo Cao Đài để thêm phần lợi ích cho thính giả của chúng tôi”*. Các câu hỏi được nêu ra sau:

1. *Lần đầu tiên nhân cơ hội nào mà nhà thi hào danh tiếng Pháp tiếp xúc với các vị lãnh đạo Cao Đài?*
2. *Ngài có thể chỉ rõ cho chúng tôi những trường hợp liên lạc đầu tiên và những trường hợp bất thần kế tiếp được không? và thực hiện bằng cách nào?*
3. *Theo ý Ngài, những nguyên động lực nào đưa thi hào Victor Hugo giao cảm với các vị sáng lập và lãnh đạo Cao Đài?*
4. *Sự mật thiết của tôn giáo Cao Đài đối với Victor Hugo được coi như hoàn toàn tượng trưng, hay trái lại như một biểu hiệu chung đồng tư tưởng?*
5. *Trong toàn tập tác phẩm của Victor Hugo có đoạn nào thuyết minh những khái thị đó là uy tín của Victor Hugo trong sự thành lập Đạo Cao Đài không? Ngài có thể cho chúng tôi biết những đoạn tác phẩm nào mà Ngài cho là thiết yếu không?*
6. *Bức hội họa chơn dung Victor Hugo ở cửa vô Tòa Thánh Tây Ninh, là do nhà thi hào yêu cầu hay do lòng tôn sùng ngẫu nhiên nên thờ phượng để kỷ niệm? Victor Hugo có thường giảng trong lúc cúng kiến không? vào những dịp nào?*

7. Ngài có ý định truy niệm một cách đặc biệt ngày lễ sinh nhật thứ 150 của nhà thi hào Pháp không? và dưới hình thức nào?

Sau đây là phần trả lời của Đức Hộ Pháp:

1 & 2: – Phải, Bản Đạo là người được ủy nhiệm trước nhất để bày tỏ những lý kín của Cao Đài. Chính mình Bản Đạo phò loan có Đại Ủy Monnet, một nhà Thông Linh Học Pháp hộ đàn cầu Chơn Linh của Victor Hugo để các vị Thời Quân của tôn giáo bạch hỏi: *“Làm thế nào để hòa hợp tất cả các giáo lý là một sự khó khăn duy nhất mà chúng tôi đã mắc phải trong việc thống nhất tinh thần Tôn giáo?”*.

Chơn linh đáp: *“Đạo tại Tâm, mà Tâm là chủ. Tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi cá nhân. Tâm vô ngã, Tâm không khuất phục và Tâm là do Thượng Đế sáng tạo (Thiên lương). Vậy tất cả nhân loại đều được tự do tín ngưỡng, nhưng trong tinh thần phải có sự dung hòa của Thiện và Mỹ. Do đó, nảy sinh giáo lý Cao Đài là “Giáo Lý đại khoan hồng.”*

Như thế chúng tôi đã chịu ơn Chơn Linh Victor Hugo về Thông Thần Học và Triết Học.

3 & 4: – Chơn linh của Đức Victor Hugo có tên Việt Nam là **Bạch Vân Chơn Nhơn**, một danh từ đã có từ lâu trong thời Thái cổ, và cũng có tên là **Nguyệt Tâm Chơn Nhơn**. Phải chăng đây là một biệt hiệu hay nhã hiệu. Nói đến Bạch Vân Động, chúng ta phải giải thích rằng: Sự thuyết minh này dành riêng cho những người thọ giáo theo kinh Phật, là quả địa cầu ta đang ở đây đã thác sinh lần thứ hai. Địa cầu đã thác một lần sau 7 thời

đại, mỗi thời là 61 triệu năm, nghĩa là 427 triệu năm. Theo Đạo Phật đây là niên tuế và sinh mạng thật sự của địa cầu. Di hài trái đất là vệ tinh “*Mặt Trăng*” (tinh tú không sinh lực mà ta thấy hiện giờ). Từ thời Thái cổ, Mặt Trăng ấy được coi như là chỗ tạm trú của các Chơn Linh muốn thác sinh xuống trần. Họ phải trú tại vệ tinh một ít lâu để tiếp xúc với địa cầu và các Chơn Linh hạ giới. Chỗ đó tức là “*Tuần Hoa Động*.” Theo thần thoại học Thượng cổ thì Mặt Trăng có cái tên không biết do đâu là “*Bạch Vân Động*” (Quảng Hàn Cung) phát lộ qua Âu Châu cho các nhà Thông linh học dưới danh hiệu Loge Blanche.

Chủ Bạch Vân Động là Bạch Vân Hòa Thượng, Đại Chơn Linh Từ Hàng Đạo Nhơn giáng thế, hậu duệ của Quan Âm Bồ Tát, đã thác sinh hai lần ở Pháp, lần đầu thác sinh là La Rochefoucauld, lần thứ hai là Richelieu, và ở Việt Nam là Nguyễn Bình Khiêm tức Trạng Trình. Chơn dung của Ngài đứng chung với Thánh Victor Hugo và Tôn Dật Tiên ở cửa Đền Thánh. Victor Hugo là một Chơn linh ở Bạch Vân Động, nghĩa là môn đệ của Bạch Vân Hòa Thượng. Tôn Dật Tiên cũng đứng chung trong bức hội họa đó vì cũng đồng tông, nghĩa là cùng Động.

Chúng tôi là Cao Đài và danh hiệu Cao Đài cũng như danh hiệu Thông Thần và Giáng Thần, vậy con người phải luân hồi: sinh, thác, tái sinh và tiến hóa là “*Luật Trời*”. Tâm Linh không tổ quốc, tâm linh phổ biến ở nơi nào cần, tâm linh tụ ở nơi nào phù hợp, không phân biệt màu da, tôn giáo, tổ quốc. Tất cả những trở lực chia rẽ loài người, đối với tâm linh không bao giờ có, vì Tâm Linh là một vị chúa tể. **Chúa tể ở ngôi ba, tức là “Thánh Thần”.** Tất cả người Cao Đài không bao giờ nghĩ đến những sự dị đồng

về chủng tộc đang chia rẽ hơn loại hiện giờ. Tổ quốc thật sự của tinh thần nhân loại là ở trong vũ trụ. Cả vật chất lẫn tâm linh sinh hoạt của Victor Hugo là tâm linh phổ biến, tuy vẫn là tâm linh người Pháp.

5 & 6: – Tại sao các vị ấy giảng xuống trong kỳ Tân Thiên Khải này? Theo lịch sử, chúng tôi biết rõ các vị ấy ở thế gian này, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã nhiệt tâm bác ái, công bình trong việc xử thế, trong các hành vi, trong cử chỉ, trong sách vở, trong sấm truyền. Người ta nhận thấy tất cả những di tích Thiêng liêng ấy theo những tác phẩm văn chương của Trạng Trình, cũng như của Victor Hugo và Tôn Dật Tiên. Hiện tượng đó đến giờ này bắt buộc toàn nhân loại phải kính nể để thực hiện cho được **nền hòa bình tinh thần (hòa bình vĩnh viễn)** mà **Chúa Jésus Christ và Phật Thích Ca đã hứa với những kẻ thiện tâm bác ái, công bình là điều mà ba Thánh đã thực hiện trong lúc sanh tiền do lệnh Thiên Đình. Vậy các Đấng đó là những người trước nhất truyền bá nền “Tân Đạo”**. Các Đấng vẫn giữ phần diu dặt và chỉ huy tổ chức của Tân Giáo hội Cao Đài hay Đại Đạo.

7: – Nguyệt Tâm Chơn Nhơn là Chưởng Đạo của Đạo Cao Đài. Lễ kỷ niệm Ngài Victor Hugo nhằm ngày 22 tháng 5 dương lịch mỗi năm. Năm nào chúng tôi cũng kỷ niệm lễ bái Ngài không bao giờ gián đoạn, nhưng chúng tôi rất hoan nghênh cuộc lễ các ông vừa tổ chức và chúng tôi cũng rất thỏa mãn.

A. BAN CHO KINH

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thọ lệnh Đức Chí Tôn cầm quyền Chưởng Đạo

Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài. Ngài thường giảng cơ giáo hóa các Chức sắc của Hội Thánh Ngoại Giáo. Quyển Kinh Thiên Đạo–Thế Đạo của ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ có 49 bài. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho sáu bài kinh, gồm:

- Kinh Tắm Thánh.
- Kinh Tãn Liệm.
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- Kinh Đưa Linh Cữu.
- Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- Kinh Hôn Phối.

B. LẬP PHẨM CHỨC TRONG HIỆP THIÊN ĐÀI

Năm 1935, có nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo được đem vào Sổ Cầu Phong dâng lên Đức Lý Giáo Tông. Ngài phê: Để Hiệp Thiên Đài định vị. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Đêm 16–2.Ất Hợi (20–3–1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ góp ý cùng Đức Phạm Hộ Pháp, mở rộng trường công quả, lập ra 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, để giúp cho chư vị Thời Quân hành quyền Tư Pháp của Hiệp Thiên Đài.

Bảy phẩm Chức sắc (từ cao xuống thấp) đó là:

- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (Instructeur)
- Chưởng Ấn (Chancelier)
- Cải Trạng (Avocat)
- Giám Đạo (Inspecteur)
- Thừa Sử (Commissaire de la Justice)

- Truyền Trạng (Greffier)
- Sĩ Tải (Secrétaire Archiviste)

C. CHƯƠNG GIÁO HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

Khi Đức Chí Tôn ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10. Bính Dần (19-11-1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc lúc đó đang làm công chức nơi Sở Thương Chánh Sài Gòn, làm đơn xin tạm nghỉ việc 6 tháng để lo cho Đạo. Sau khi mãn phép, Đức Phạm Hộ Pháp cầu cơ hỏi Đức Chí Tôn nên xin nghỉ luôn để lo cho Đạo hay là trở lại làm công chức. Đức Chí Tôn bảo Đức Phạm Hộ Pháp cứ đi làm công chức trở lại, sẽ có việc hay. Đức Phạm Hộ Pháp vâng lời, trở lại làm việc nơi Sở Thương Chánh Sài Gòn. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài Gòn nữa, vì sợ Đức Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, họ đổi Đức Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên. Đức Ngài lên Nam Vang, tạm ngụ tại nhà Ông Cao Đức Trọng (anh ruột của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang). Nhân hoàn cảnh mới nầy, Đức Ngài thuyết và tổ chức cầu cơ tại nhà của Ngài Cao Đức Trọng để Đức Chí Tôn thân phục nhơn sanh. Đàn cơ ngày 27-7-1927 (29-6. Đinh Mão), Đức Hộ Pháp phò loan với Ngài Cao Đức Trọng, Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong các vị Chức sắc đầu tiên nầy. Từ đó, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại, thường gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo (viết tắt HTNG), đặt trụ sở tại Thánh Thất Kim Biên (Nam Vang), có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh tại nước Cao Miên. Nhờ có HTNG, việc truyền Đạo tại

đây có kết quả nhanh chóng, chỉ trong vòng một năm, số tín đồ nhập môn vào Đạo Cao Đài có đến hơn một vạn người. **Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, với chức vụ Chưởng Đạo, do Đức Chí Tôn giao phó,** dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp.

Thời gian ở tại Cao Miên tuy ngắn ngủi chỉ có 7 tháng, Đức Phạm Hộ Pháp đã kiện toàn cơ chế tổ chức Hội Thánh Ngoại Giáo (La Mission Étrangère du CaoDaïsme). HTNG đặt văn phòng tại đường Lalande Calan (Phnom Penh); từ đó, bổ chức sắc đi truyền giáo ở hải ngoại: Trung Hoa, Pháp, Nhật, Thái, Lào v.v...

Qua cơ bút do chính Đức Ngài phò loan, Ban Truyền Giáo Hải Ngoại đã thành hình, gồm có:

– **Jean De La Fontaine** (1621–1695): *thi sĩ Pháp, sinh ở Château-Thierry. Thơ ngụ ngôn (Fables) của ông mang tính chất luân lý khuyên răn đời. Ông giảng cơ tại Tòa Thánh đêm 25–8–1934 có câu: “Notre Maitre (Tức Mai tre de La Loge Blanche/Bạch vân Động là Thanh Sơn Đạo Sĩ) vient d’avoir un entretien intime avec le Pape sur notre avenir apostolique. Il a lavé un échec sur notre avancement”.* Ông phụ trách phổ độ dân chúng Châu Âu với sự trợ lực của bà Jeanne d’Arc.

– **Tôn Trung Sơn** (1866–1925): *tên thật là Tôn Văn, tự Dật Tiên, người Quảng Đông, một trong ba vị Thánh Bạch Vân Động. Gia đình theo Đạo Phật. Ông theo Đạo Thiên Chúa, Đĩ bác sĩ y khoa. Sau cuộc vận động duy tân thất bại, năm 1984, ông lập Trung Hưng Hội ở Honolulu lấy Dân tộc, Dân sinh, Dân quyền làm chủ nghĩa Tam Dân. Ông đứng đầu trong cuộc cách mạng Tân Hội (10–10–1911)*

ở Trung Hoa và được bầu làm Tổng Thống. Viên Thế Khải phản bội nên loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để tránh nội chiến, năm 1925, ông lên Bắc Kinh để sắp xếp mọi việc, nhưng việc chưa thành ông bị bệnh mà mất (12-3-1925). Ông hiến Thánh và giảng cơ xưng là một trong Tam Thánh Bạch Vân Động. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Á với sự trợ lực của bà Bát Nương Hồn Liên Bạch.

– **William Shakespeare** (1564–1616): nhà đại thi hào Anh quốc sinh ở Stratford-sur-Avon. Ông được dân chúng thế giới hoan nghinh thi tài kiệt liệt. Ông phụ trách phổ độ dân chúng Anh và các nước trong Liên Hiệp Anh.

– **Léon Tolstoi** (1828–1910): tiểu thuyết gia người Nga, sinh ở Iasnaia-Poliana nổi danh về hai quyển: Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karénina. Ông phụ trách phổ độ dân Âu-Á (Eurasie).

– **Pearl Buck**: tiểu thuyết gia Hoa Kỳ, sinh ở Hillsboro vào năm 1892, tác giả nhiều sách về Trung Hoa. Bà được giải thưởng Nobel 1938 với tác phẩm “The living reed” (Nỗi buồn nhược tiểu). Bà có khuynh hướng tìm hiểu văn hóa phương Đông để tiến đến hòa hợp chung sống. Bà phụ trách phổ độ dân Châu Mỹ.

– **Aristide Briand** (1862–1932): nhà chính trị Pháp, sinh ở Nantes, từng làm Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Phi.

Trong Hội Nhơn Sanh năm Quý Dậu, ngày 7-3-Quý Dậu (1933), có phần đĩnh chánh từ ngữ như sau: “Luôn đây xin giải nghĩa 4 chữ: **Hội Thánh Ngoại Giáo**. Phải đọc Hội Thánh Ngoại Giáo chớ không phải Ngoại Giao. Hội Thánh Ngoại Giáo là một hội của chư Thánh giáo đạo

ở ngoại quốc. Bậc phẩm và trách nhiệm, tuy phải tuân theo luật của ĐĐTKPĐ, hành chánh tuy hiện thời phải từng quyền của Quyền Thái Đầu Sư, nhưng cũng có phần đặc biệt là phải tùy theo tánh cách người bốn xứ...”

D. LỄ KỶ NIỆM (NGÀY 22-5 DL HÀNG NĂM)

BÀI THÀI HIỂN LỄ ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

NGUYỆT rạng đông thiên đã sáng soi
TÂM linh chiếu thấu bốn phương trời
CHƠN truyền cứu thế xa tai ách
NHƠN đạo tuần hườn độ khắp nơi

(GIỌNG NAM XUÂN)

Khi Đức Hộ Pháp thiết lễ Trấn Thần Tam Thánh trước Đền Thánh ngày 10 tháng 7 năm Mậu Tý (14-8-1948), đồng nhi đọc bài xưng tụng công đức, phần nói về Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn như sau:

*Dạy đệ tử ân cần mỗi Đạo
Truyền pháp mẫu Chương Đạo Nguyệt Tâm
An ban trấn thế giáng lâm
Victor là họ, tên nhằm Hugo.
Nhà văn sĩ bày phò lễ chánh
Năm kinh luân nặng gánh cơ đồ
Nhà nhà có phúc hàm phò
Chúng nhờ kinh sách Hugo dạy truyền.
Đầu vọng bái Tiên hiền Chương Đạo
Chứng lễ thành lòng thảo chúng sanh
Ban ơn nhỏ phước dân lành
Vun trồng cây Đạo trở nhành đóm bông.*

Từ Bình Dân bóng hờng Phổ Độ
Chối Càn Khôn cứu khổ nhơn sanh
Nhờ ơn các Đấng Trọn Lành
Giáng cơ chỉ bảo mỗi manh Đạo Trời.
Năm Đinh Mão mở nơi Tân Quốc
Đức Nguyệt Tâm đặc nhứt chỉ truyền
Lập thành Hội Thánh Kim Biên
Mở mang Đạo cả ban quyền ngoại giao.
Ơn giáo hóa đồng bào Kiều Việt
Đức từ bi chi tiết gọi nhuần
Hiện nay đạo hữu vui mừng
Tự do tín ngưỡng nhờ chứng Đức Ngài.
Lễ kỷ niệm phò bày nghiêm chỉnh
Dâng tấc thành cung kính Thánh Linh
Mong nhờ lượng cả thình thình
Thi ân bố đức hóa sanh cứu đời.

TIẾT 3. THƠ & THÁNH GIÁO CỦA NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

A. THƠ

Đêm 9-8-1927
Lễ là hạnh mền của Thần Tiên
Khá giữ lễ nghi cứ vậy bền
Trước mặt phàm xem tuy chẳng thấy
Chín tầng lộng lộng phép Bể Trên.

*

Phải biết nhứt tâm đối với Trời
Dầu cho kín mặt khó trông nơi

*Dẫu quyền Tạo Hoá đời chưa thấy
Lộng lộng tâm kia níu chất đời
(Dạy Đông Y Võ Văn Sự 18-8-1927)*

*

*Hữu tài vô đạo bất vi nhân
Tạo thị xuyên âm thị mệnh thần
Hám lợi vô mưu hà kế đắc
Chỉ tri nhứt nhứt độ vinh thân
(NTCN báo tin Chí Tôn xá tội Ô. Sự. 28-8-1927)*

*

Đêm 25-7-1927

*Đã ở nước Tần xứ sở xa
Phải coi thời thế liệu phương nhà
Trí cao hằng giữ đường gay trở
Mưu khéo toan lo lẽ thuận hoà
Níu mối kinh luân đâu cũng phận
Gìn lòng đạo đức há than già
Trên đầu đã sẵn Thầy nâng đỡ
Bơn bớt đừng lời hỏi thiết tha*

*

Đêm 9-4-1928

*Trần thế luôn gây náo nhiệt trường
Lánh nguy nguồn Đạo vẹn tìm phương
Vùi sâu nay gắng chung vai gánh
Hưởng phúc sau may hiệp bước đường
Cay đắng lần soi gương trí tuệ
Chia phôi chờ trải lối tang thương
Dặn mình tua chặt trong gang tấc*

Sau trước lòng son giữ đặng thường

*

Ban cho Hiến Trung:

*Vinh hiển tuy chưa toại thừa nguyên
Phép nhà ven giữ cũng nên duyên
Thảo ngay lòng nhớ lâu truyền hiếu
Chánh trực xa nghe giới tắc thiên
Dặn gió chờ ngay đài các đến
Trường danh có lúc để nêu tên
Coi mình khá giữ mình cho vẹn
Cái đạo trượng phu thế mới bền*

HIẾN tổ vinh tông khả dĩ trượng phu chi Đạo

TRUNG quân ái quốc thị tri thần tử chi tâm

Chú thích: Hai người con trai của Victor Hugo và Bà Adèle Foucher là: Chales Hugo và Francois Hugo, đều đầu kiếp ở Việt Nam. Về sau cả hai vị đều được thăng phẩm Phối Sư trong Đạo Cao Đài.

– Charles Hugo đầu kiếp là ông Đặng Trung Chử, Đạo hiệu Ngạn Sơn, đặc phong Giáo Sư Cửu Trùng Đài, Thượng Chử Thanh (1934).

– Francois Hugo đầu kiếp là ông Trần Quang Vinh, Đạo hiệu Hiến Trung, đặc phong Giáo Sư Cửu Trùng Đài Thượng Vinh Thanh (1934).

*

*Mặt nhứt rạng nhờ Trời thanh bạch
Cõi trần nay nhờ khách đức dày
Mùi thơm sen Phật cao bay
Từ bên Đông Á phôi bày Tây Âu*

*Nước hàng sông nửa đầu thế sự
Chuyển Chơn Linh đổi dữ ra lành
Vạn bang đẹp cuộc chiến tranh
Lập cơ thoát khổ độ sanh muôn loài
Kể vì mị đoái hoài giả đạo
Kể hay tin quái giáo gây trò
Nguyên nhân lỗ bước ai lo
Đẫn đường Cực Lạc đưa dò mê tân
Khách mở ngõ thiên lâm cho chóng
Các ngươn linh trông ngóng bấy lâu
Biết thân lại đợi ai cầu*

Lục Nương (Lục Nương DTC tức bà Jeanne d'Arc)
tiếp:

*Cầm gương thân huệ xây lâu tuyệt oan
Giục thế sự an nhàn lấy phận
Lửa Thiên cơ khô vẩn vương oan
Để chân vào chốn Niết Bàn
Thoát vòng luân chuyển mong đàng thiện duyên...*

B.THÁNH GIÁO

► **BÀI 1.** *Thánh Thất Kiêm Biên, ngày 14 tháng 2 Nhâm Thân (20-3-1932)*

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

Bần Đạo chào Quyền Giáo Tông, Hộ Pháp, Tiếp Đạo và Hội Thánh Ngoại Giáo.

Nam nữ Thiên phong xin nghe: nước Thiên Đường thì ít kẻ, cửa Địa ngục vẫn nhiều người. Chưa từng thấy

hạng nhơn sanh nào mà tự trong thân hình, chẳng hữu ích chi cho cả cơ Tạo mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngôi vị Thiêng liêng chẳng phải do nơi sự cầu may mà đoạt được. Bản Đạo khi đắc lệnh làm Chương Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương, thì từng lòng bác ái của Chí Tôn **mở rộng thể cho nhơn sanh dằng công đối vị**, Bản Đạo **chẳng kể là nguyên nhân, hoá nhân hay quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo**. Bản Đạo để cho mỗi người tự do định phận lại tùy thể khó khăn mà gây thành công quả; ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên, nên thì thâu, hư thì bỏ. Bản Đạo đã chán thấy kẻ bất lực rất nhiều. Vậy Bản Đạo để lệnh cho mỗi vị Thiên phong xét mình khai tội cùng Giáo Tông và Hộ Pháp, rồi sau mới định rõ đều thưởng phạt.

► **BÀI 2. Giáo Tông Đường, đêm 13-4.Đình Hội (1948)**

Bạch Vân Động Chương Đạo

Chào chư chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng.

Bản Đạo kính lời cảm tạ Hộ Pháp cùng Hội Thánh có lòng nhớ đến mà tổ chức lễ kỷ niệm của Bản Đạo long trọng. Nơi Kiêm Biên, cơ Đạo phải chịu một thời điều tàn rồi sẽ đến giờ chấn hưng lại. **Bởi dân Tần còn lắm nỗi tai ương, điều ấy đã tiên tri không thể nào tránh được.**

Phận sự của Bản Đạo lãnh lĩnh ngoại giáo là trong chư quốc, chẳng phải một nước Tần mà thôi.

H.T! mọi hành động của con có các Đấng vô hình tiên liệu, dầu đi đến nước nào cũng có đệ tử Bạch Vân ở nước ấy, nói chi nước Pháp hay là Trung Hoa. Con cứ tiến hành thì đắc thắng.

Bản Đạo tỏ lời cảm tạ cuộc lễ và tỏ sự vui vẻ của nước Việt Nam đã được nổi danh cùng lân bang. Nhất là Cao Đài được lừng tiếng tung hô từ năm 1946, đến nay các nước đều để ý đến.

Hiện giờ sự tín nhiệm Đạo Cao Đài đối với các Đảng phái được phần chú ý hơn. Vậy mọi hành trình chỉ dùng sự chân thật là thắng hết.

Bản đạo cảm ơn chư vị có đủ lòng bác ái kết chặt mối tương thân cùng bạn đồng chung của Bản đạo. Ấy cũng là lòng từ bi của Chí Tôn muốn vậy mới tròn câu phổ độ toàn nhân loại mà lập thành một mối Đại Đồng Tôn Giáo.

► **BÀI 3.** *Hội Thánh Ngoại Giáo tại Tòa Thánh, đêm 23-6. Kỷ Sửu (14-10-1949)*

Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

Chào chư chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng.

Mấy lúc qua, Hội Thánh Ngoại Giáo ngưng trệ vì Thiên thơ tiền định. Các vị lãnh lĩnh Hội Thánh đã thi hành nguyện vọng, xét ra cũng theo lối xưa là bất đồng tâm, bất tị lý cùng nhau nên kẻ vậy người khác, cuộc tiến hành không căn bản, giảm quyền Hội Thánh Ngoại Giáo. Đức Hộ Pháp đã tiên liệu có ngày, Ngài sẽ đến phục hưng nơi ấy. Hiện tình khó khăn là bởi thời cuộc biến chuyển, **cần gìn cho còn danh thế là đủ, để các Đấng sắp đặt phương châm định thành vẻ vang hậu cận.** Xin khuyên vị Tân Chủ Trưởng cần phải bền lòng sẽ thấy nhiều kết quả từ từ đến. Việc làm có khó mới có công, hành Đạo có chuyển biến mới tiến triển tinh thần đạo đức là một bài học hay cho các bậc bền chí đạt nguyện, có chi mà lo ngại. Cứ an tâm. Nhớ về trước các Đấng đã tiên tri rồi

“Thương thâm cho nòi giống nhà Tần”. Vì vậy mà các hành tàng của Đạo phải chịu định phận thuận với Thiên thơ. Nói ít chữ hiền khá để tâm suy gẫm mà tùy phương lo lắng trọn bốn phận mình.

Bản đạo căn dặn chư hiền gắng thêm công quả, lập đức cho dày; chẳng vì lẽ mọn của đời người mà phế vong đại sự..

KẾT LUẬN:

Đức NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN đóng vai trò quan trọng nền Tân tôn giáo. Ngài đã tóm lược quan điểm về Đạo Cao Đài như sau:

“Đức Chí Tôn đã mở Đạo ở Việt Nam với mục đích cải thiện tình huynh đệ thế giới bị đổ vỡ vì bạo lực, vì sức mạnh vũ khí do tham vọng của kẻ tàn bạo...”

“Thế giới sẽ khổ vô ngần do thế chiến thứ ba. Ngày đó, sự Thương Yêu sẽ là con đường duy nhất để cứu rỗi nhân loại và Đạo Cao Đài sẽ thực hiện được mục đích Tổng Hợp”

■ (Đàn đêm 10-4-1954)

PHỤ LỤC 1

THÔNG ĐIỆP THẦN LINH HỌC

THÔNG ĐIỆP CỦA THẦN LINH HỌC DO ĐỨC Nguyệt Tâm Chơn Nhơn ban cho trong đàn cơ ngày 20/4 năm 1930. **Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn dạy về quyền lực của Đấng tạo ra Càn Khôn và Vạn vật.**

► *C1. Đức Hộ Pháp: Bản Đạo muốn biết nguồn gốc và quyền năng của Thầy (tức Đức Chí Tôn hay Thượng Đế)?*

– Không phải dễ gì biết bí mật đó! Cuộc điều tra của đời về điểm ấy không rõ rệt nữa. Theo Bản Đạo, **trong cõi vô cùng có rất nhiều vũ trụ khác địa cầu chúng ta.** Các vũ trụ khác có thể to hơn ít nhiều, nhưng sự sống và sinh vật có lẽ y dạng thức giống nhau. Một trong các vũ trụ khả dĩ khác hơn, tiến hóa hơn trên phương diện tâm linh và nhơn đạo. Vào một giai đoạn, vũ trụ này dường như giống y quả địa cầu chúng ta. Nhờ tiến bộ, nó sẽ trở thành sứ giả, về đẹp ngự trị tất cả bầu trời của nó. Những sinh vật nơi đây rất đổi linh thiêng, hoà bình và hoà thuận

điều khiển các lãnh thổ của nó. Loài người ở đây không biết chiến tranh là gì, không hề có tương quan, tất cả đều tuyệt đối. Nhiều vị cao thượng thi nhau về đạo đức. Sản phẩm nào cũng là khoa học và sự khôn ngoan, tâm hồn cương nghị chế ngự lòng phàm tục và nhu nhược. Những thế giới bực chót của vũ trụ nói trên sống không cần luật pháp. Sự thống nhất thành hình dưới đức tin thiêng liêng. Từ thân bị khuất phục bởi lương tâm cao cả. Người chết, kẻ sống không khác gì nhau. Tình thương được ban hành khắp chốn. Linh hồn và con người đều đượm thánh tâm. Ở cõi phàm chúng ta, trong một giới nào đó, có lối sống phong phú như trên vừa kể. Một ngày kia, Hiền hữu sẽ thẩm định giá trị lớn lao khi địa cầu chúng ta thăng tiến cấp bậc.

► *C2. Đức Hộ Pháp: Khi nào địa cầu sẽ hưởng lợi lộc đó?*

– Để Hiền hữu ý thức giá trị của mình, Bản Đạo sẽ sử dụng một lối diễn tả theo Thần linh học: Từ những chốn tội tình khổ sở, địa cầu chúng ta khởi tiến lên hàng đại phước. Sẽ phải lâu lắm nó mới là cõi Thiên Đàng. Nếu muốn biết nguồn gốc của Thầy, phải gần Người, phải thấu triệt Người. Không có một Đấng nào có ý kiến thật minh bạch, đến Phật cũng chỉ ước đoán mà thôi. Hiền hữu chờ xem, quan trọng những lời Bản Đạo dẫn giải. Bản Đạo chỉ lặp lại lời các Đấng nghĩ suy. Chúng ta thử đặt giả thuyết rằng Đấng Tạo hóa vào những thời tiên khởi; quả thật, Người đã sống trong vũ trụ ấy. Chơn linh Ngài cũng trải qua một cuộc trải nghiệm lâu dài. Từ vật chất, Ngài trở thành người và khôn ngoan. Ngài vượt qua các phẩm vị Thánh Tiên. Cuối cùng Ngài thụ đắc bí mật của Tạo hóa. Ngài có quyền năng nhờ bao nhiêu kiếp tái sanh, chúa tể

của khôn ngoan và khoa học. Ngài cũng biết thâm phục những Đấng cao trọng nhất, hợp thành Thiên Triều, phẩm vị thần phục Ngài. Một khi Thiên Đàng của Ngài đủ năng lực, Ngài du hành cõi vô cùng vô tận với đoàn tùy tùng.

► *C3. Đức Hộ Pháp: Như vậy, Ngài có một thiên đàng riêng?*

– Phải, mỗi người chúng ta có một lãnh vực xác định mà chúng ta đã được tạo với năng lực tinh thần. Các Chơn Linh và sinh vật thuộc kiếp luân hồi của chúng ta, hợp thành bầu trời và lãnh giới của ta. Dân cư ở đó không hề trung thành với chúng ta. Đa số chúng ta xuất phát từ lỗi lầm nguyên thủy, trong khi người ta cứ hững hờ các bí quyết tự luyện cho trong sạch, trong khi người ta cứ tiếp rước loài quỷ kinh khủng. Thử hỏi khi ấy Sa Tăng từ đâu đến? Nếu chúng ta tìm chân lý, chớ không phải là chuyện hoang đường, thì Satan xuất phát từ đoàn tùy tùng thiêng liêng mà Đấng Tạo hóa đã không thể cải hóa được thành Chí Thánh. Vậy thì, thế thường, kẻ thân cận phản bội chúng ta do lòng ganh ghét, đố kỵ hay tánh bất thường.

Hộ Pháp, Hiền hữu bị vọp bẻ bàn tay, chúng ta hãy dời cuộc đàm thoại sang ngày mai.

Tại cầu (đêm 21 rạng 22 tháng 4 năm 1930).

– Bản Đạo nói tiếp quan điểm của Bản Đạo về nguyên thủy của vũ trụ mà vẫn kính trọng quan điểm của Hiền hữu. Khi ấy, Đại Từ Phụ đến một chốn âm u, ứ đọng, im lìm, yên tĩnh; trong đó bật hẳn mọi sinh hoạt, những mầm cỏ động lảng lảng triển miên trong một chất khí, không phải hơi mù, cũng không phải chất lỏng. Tóm lại, một bầu khí lạnh kinh khủng, bao trùm toàn diện, khiến không một sinh vật nào sống được, không một vật loại

nào nẩy nở được.

► *C4. Đức Hộ Pháp: Phải chăng hình thức của nước được diễn tả trong nguyên thủy vũ trụ Thiên Chúa Giáo?*

– Phải, đây là cái loại khí người ta gọi là khinh khí, ít nhiều trọng lượng là thành phần trong sạch nhất. Nói rằng Chơn Linh Chí Tôn lượn trên sa số nước, chính theo nghĩa đó phải hiểu ngôn từ. Ngài dùng thiên thể toàn ánh sáng huy hoàng, có nhiệt độ làm linh hoạt khối vật chất vô tri. Một lớp dưỡng khí phát sinh tiên khởi tác động. Lưỡng khí chạm nhau phát ra tiếng nổ. Hỏa Thiên sanh ra với Thủy Thiên. Dưới hiệu lực của hai nguyên tố mọi vật biến đổi: Vật chất biến đổi thành hơi, hơi đốt cháy hóa vật lỏng, vật lỏng nguyên chất thành sinh lực. Sinh lực có một sức mạnh, ban sanh tử cho các Chơn Linh. Sinh lực đã khiến ta chứng kiến bao nhiêu là tuyệt diệu.

► *C5. ĐHP: Sinh lực sẽ còn bảo toàn cho ta bao nhiêu huyền bí nữa đây?*

Tất cả xuất phát từ Thầy chúng ta, chúng ta rất khó am hiểu nổi. Hỏa Thiên ấy được bổ xung và bành trướng tỏa hăng hà tinh cầu đến vô cùng tận. Hỏa Thiên lan khắp vũ trụ, nó tự phân phối và tự phân tách ra nữa. Những tinh cầu của nó bành trướng dưới hình dáng mặt trời, tạo vô số thế giới, với mọi chi tiết. Nơi nào Chí Tôn ban cho lương tâm và ánh sáng thì các sinh vật đều thụ đắc, thậm chí loài nhỏ nhoi nhất. Sinh khí thiên tỏa cùng khắp chốn. Loài vật nào được mạng sống tùy thuộc vào khối linh toàn thể đó. Từ những vật lỏng tỏa ra do ánh sáng Thiêng Liêng. Vật nào như bọt biển thành vật chất, địa chất, thảo mộc, thú cầm hay nhục thể. Vật nặng trọng

lượng thành không khí và vật tinh khiết thành thanh khí. Như vậy, trí tuệ phân lượng ít nhiều được ban cho toàn cả sinh vật thể theo giai cấp của chúng. Ấy thế, linh hồn được tạo ra, còn xác thân thì sinh lực định đoạt căn số. Hiền hữu đã hiểu phần còn lại. Bản Đạo dừng lại nơi đây.

- ▶ *C6. Đức Hộ Pháp: Xin lỗi, nếu tất cả đều do Thầy, tất cả phải toàn thiện. Tại sao chúng ta còn nhận thấy những khuyết điểm của tạo hóa?*

– Khuyết điểm nào vậy, xin cho biết để Bản Đạo sẽ giải thích?

- ▶ *C7. Đức Hộ Pháp: Tánh hung dữ và sự vô ích của các sinh vật, chỉ loài người đến thú vật hay là luôn cả thảo mộc?*

– Sự vô luân của chúng nó không dung nạp được theo lý trí. Trong thiên nhiên, không có gì là dữ hay vô ích, để sống còn cần phải có lương thực. Đại Từ Phụ yêu nông nàn con cái của Ngài, với lòng thương vĩ đại, Ngài cấp cho họ nhiều phương tiện. **Muốn họ tiến hóa, Ngài tạo đau khổ, đồng thời họ cũng được những phương tiện tự vệ.**

Hiền hữu có thấy chẳng một người thật lòng tín ngưỡng ở thế gian này? Nếu họ dữ đối với chúng ta thì họ hữu ích cho họ! Làm thế nào để trở nên những Đại Hiền Triết? Lịch sử nhân loại chứa đựng những gì? Một trường tranh đấu quyết liệt giữa kẻ yếu và người mạnh. Những kẻ mạnh nhút thường là những kẻ uy quyền nhút. Sự đối nghịch của hai phía phát sinh những tư tưởng, những hiện thực thông thái và hướng thượng. Thế giới thân mến của chúng ta là tuyệt đối tương quan, dữ và vô ích chỉ là dụng từ mà thôi. Trên địa cầu này, mỗi người

chúng ta có một vị trí, những thế giới của các bầu trời khác là từng phần giai cấp. Như thế, **vũ trụ là một học đường để các Chơn Linh theo học cho uyên thâm mãi mãi. Kể nào thường trốn học, phải ở lại năm thứ hai và học lại các môn.** Các Linh hồn đều ước mong đọc quyển sách đời đời, chứa đựng bí quyết trở nên bất tử, mục tiêu là hoàn tất sự nghiệp vất vả của mình, phải có thời gian, điều kiện và cách thức, từ vật chất như nhóp tiến lên tinh thần trong sạch, con người công thành danh toại, nắm lấy bất diệt. Kết quả là phải học cho tự biết mình, rồi sau đó biết con người phải như thế nào, nhờ Lương tâm chỉ giáo. Sự khác biệt của tính tình là hợp lý, giúp chúng ta so sánh hơn thua.

Hiển hữu nên rộng rãi khoan dung trong học vấn, phân loại các trí thức theo phẩm cách của mỗi người. Hãy phân biệt hạng phàm và hạng đôi chút linh thiêng, tạo lập cho giáo phẩm những vị gương mẫu nhưt. Bằng mọi phương tiện để dạy dỗ kẻ bất trung, chớ ghét họ vì họ đê tiện và chỉ chuyên chú vào sự độ rỗi linh hồn họ. **Hiển Hữu cứ mãi thương yêu để tặng nhơn loại hai chân lý này:**

“TÌNH THƯƠNG VÀ BẤT TẬN”

► *C8. Đức Hộ Pháp: CHA và THẦY khác nhau. Tại sao Đại Từ Phụ cũng xưng là THẦY?*

– Ngài vừa là CHA vừa là THẦY. Bởi vì con người chúng ta nhờ Ngài mà có. Ngài nuôi dưỡng ta bằng những thức ăn trong sạch và tạo dựng linh hồn ta bằng phẩm Thiên. Nơi Ngài, tập trung khoa học và khôn ngoan, đại nghiệp của Ngài là không ngớt giục tấn linh hồn, những vật chất tối tàn là châu báu trước mắt Ngài. Ngài biến các

Chơn Linh hèn hạ thành Tiên Thánh. **Luật của Ngài là Luật THƯƠNG YÊU, quyền lực của Ngài là CÔNG LÝ (CHÁNH). Ngài quan tâm đến ĐẠO ĐỨC, truat bỏ tật xấu. Là CHA, Ngài ban cho các con sinh lực của Ngài; là THẦY, Ngài di truyền cho thiên tính.**

■ *(Trích trong LỊCH SỬ VÀ TRIẾT LÝ ĐẠO CAO ĐÀI, nguyên bản bằng Pháp ngữ. Phiên dịch Việt ngữ: Sĩ Tài Nguyễn Minh Ngòi).*

Nguyên văn bài trên, cơ giảng tiếng Pháp trong HISTOIRE ET PHILOSOPHIE DU CAODAISME, dưới đây là bản dịch văn vần của Đức Hộ Pháp.

CI.

*Hiểu cho đặng huyền vi khó nổi
Tra khuôn hồng tử mới không mình
Theo tôi nghĩ thế giới mình
Ngoài ra còn có lắm hình Càn Khôn
Nhiều thể khác biệt phân lớn nhỏ
Sinh tồn loài vật nhỏ y nhau
Một ngôi nào đó lên cao
Về thân hồn với về loài chúng sinh
Cũng có lúc giống mình y hết
Tiến hoá năng khí phách nên hiển
Mây trời đẹp về thiên nhiên
Vật loài đều hưởng trọn quyền Chí Linh...
Các quả cầu thái bình yên tịnh
Cả chúng sanh đốt tánh can qua
Tương đối dứt, tuyệt đối ra
Chơn hồn tranh đấu về khoa tánh lành*

*Sanh chi cũng quang minh cách trí
Quyền linh hồn chủ quỷ phạm tâm
Thế hèn luật cũng không cần
Tương thân chỉ cậy nhờ phần đức tin
Cái chết bị tâm linh đánh bại
Sống chết dường trái phải không phân
Thương sanh truyền khắp xa gần
Hồn và người vốn Thánh Thần hiển nhiên
Như thế giới Càn Khôn ta có
Sanh hoạt này quả có nên nhiều
Địa cầu chừng đặng cao siêu
Các Ngài rõ giá những điều phân phó*

C2.

*Thần linh dụng tiếng giúp Ngài hiểu
Cho tỏ tường phẩm hiệu đường bao
Qua luyện tôi, Thánh chất vào
Còn lâu nữa mới lâm trào Phật Tiên
Muốn biết đặng căn nguyên Từ Phụ
Ở cùng Người hoặc đạt hiệu Người
Chẳng hồn nào quyết định lời
Thích Ca thì cũng để lời phỏng ngôn
Chớ coi trọng lời tôi bày tỏ
Tôi thuật lời tưởng ngộ Chơn Linh
Tỉ như lúc trước Chí Linh
Có sanh ở một cảnh hình Càn Khôn
Người cũng đáng phẩm hồn hậu bố
Vật nên người, người trở nên hiền*

Lân hồi lên phẩm thiêng liêng
 Khai thiên Người mới đạt quyền Chí Linh
 Đã chịu lắm sinh sinh tử tử
 Đủ quyền linh làm chủ trí khôn
 Lại hay thấu phục Chơn hồn
 Đặng làm Thần đệ vĩnh tôn triều nghi
 Đài thiên cảnh vừa khi đặng lớn
 Dắt triều đình vào chốn không trung

C3.

Phải, mỗi đứa riêng trong cảnh giới
 Cửa chúng ta tạo lại linh hồn
 Hồn, người do bởi giác hồn
 Tạo nên cảnh giới cộng làm chánh chung
 Trong các Đấng lòng trung vẫn ít
 Phần đông do kẻ nghịch oan khiên
 Tu chơn bỏ mấy diệu huyền
 Thì ta mở lối cảnh Thiên quỉ vào
 Quỉ vương hồi nơi nào mà đến
 Cứ tâm chân đừng đếm giả truyền
 Chắc do trong đám triều thiên
 Chí Linh khó sửa cho tuyền chánh tâm
 Ta hằng bị tình thân phản nghịch
 Đố kị cùng vui thích hại ta
 Hộ Pháp tay Ngài tê quá thay là
 Đêm mai tôi tiếp nói qua chuyện này...

C4.^[1]

Lại tiếp chuyện khai thiên tôi nhận
Cùng kính phương học vấn của Ngài
Chỉ Tôn tôi chốn Dạ đài
Bình an phẳng lặng không loài động sanh
Trong thú khí không danh mây nước
Vật chất sinh ngũ ước vô chùng
Hào quang bao phủ mấy vầng
Vật không biến hoá, thú ngừng không sanh

C5.

Phải, thú khí kêu tên thuỷ khí
Đông đặc nhiều xem kỹ đứng đầu
Rằng trời, mặt nước ngự châu
Thì là phải hiểu cao sâu thế này
Chơn thần người dầy đầy ánh sáng
Lấy dương quang ấp đẳng? vô năng
Sinh làn hoả khí bao giăng
Âm dương tương khắc nổ làn thiên thanh
Thái cực nổ với hình nguyên thuỷ
Hai quyền năng dục khí hoá cơ
Vật tiêu hoá khí, khí như
Tiêu thành nguyên khí đến giờ Sanh quang
Khí Sanh quang ấy toàn linh cảm

[1] Trong một quyển sách khác, đoạn C4 được mở đầu bởi 4 câu thi sau đây:

Lời ác cảm ngày nay còn tiếp,
Bây giờ đây cậy pháp danh Thấy.
Đừng lo kẻ dữ làm chi,
Biết khôn đó cũng có ngày ăn năn.

Định linh hồn sống chết nơi tay
 Dị thường sanh hoá rất hay
 Sau nầy tôi cũng thấy hoài huyền linh
 Vật chi do tài tình sư phụ
 Ta không phương hiểu thấu cho cùng
 Lửa Thái cực lớn vô cùng
 Rải cùng thế giới muôn trùng hoá tinh
 Phân phát quá nên hình phải tuyệt,
 Cùng Càn Khôn rải riết không ngần
 Hoả tinh lớn hoá Nhật quang.
 Nhật tinh nguội lập cả tràng thế gian
 Nơi nào ánh Dương quang chiếu diệu
 Vạn vật gồm đại tiểu đều thông
 Chí Linh tánh đức bao trùm
 Hữu sanh ai cũng do cùng Nhật linh
 Các ngưng khí ánh linh chiếu thấu
 Khí trực ngưng, thú xấu trạch bình
 Thổ, mộc, thú, nhơn, vạn linh
 Bán thanh sanh khí, thanh thành hạo nhiên
 Khối linh cảm ban truyền vạn loại
 Tùy theo hàng phẩm lại vừa chừng
 Hồn linh sang hưởng hồng ân
 Còn bên thế phách về phần sanh quang
 Ngài đã rõ hành tàng sót lại
 Tôi đây tôi đành phải ngưng văn

C6.

Đức Hộ Pháp: Xin lỗi, nếu tất cả đều do Thấy, tất

cả phải toàn thiện. Tại sao chúng ta còn nhận thấy những khuyết điểm của tạo hóa?

– Khuyết điểm nào vậy, xin cho biết để Bản Đạo sẽ giải thích?

C7.

*Không vô ích dữ hiển mặt thế
Sống phải toan tìm kẻ nuôi thân
Chí Tôn con cái đều cân,
Lòng thương kia phải dành phần lợi sanh
Cho tấn hoá Người hành đau thảm
Người phải cho mô phạm bảo thân
Dưới đời mấy mặt hiền nhân
Với ta gọi dữ họ cần ích riêng
Sao dặng tiếng Thánh Hiền các Đấng
Sử nhưn gian bằng chứng chép ghi
Đấu tranh mạnh yếu thường khi
Xem ra thấy mạnh cũng thì phần hơn
Lẽ mạnh yếu thiệt hơn chiến đấu
Năng trí mưu cơ xảo nên hay
Cảnh phạm tương đối là đây
Dữ, vô dụng ấy là lời bia danh
Nơi hoàn vũ cá nhân có chỗ
Các Trời kia lớp ngộ học đường
Cần khôn thế giới là trường
Chư hồn đến học cho thường mới hay
Kẻ nào những bỏ bài trốn mãi
Không dặng lên, học lại bài xưa*

Các hôn ai cũng mến ưa
 Sách thiêng liêng đọc mấy tờ vĩnh sanh
 Ai cũng ước công thành danh toại
 Phải nhiều thời, nhiều phép, nhiều kinh
 Vật hèn tới phẩm tối linh
 Con đường đi biết mấy nghìn thời gian
 Chung cuộc hiểu hành tàng ta đã
 Sau mới tường căn quả Chí Linh
 Biệt phân đẳng cấp tánh tình
 Là phương dành để cho mình sánh cân
 Trong học thức Ngài căn quăng đại
 Phân tánh người nơi cái tài ba
 Đem người phạm tánh cho ra
 Ngoài vòng Thánh chất chánh tà phân minh,
 Lấy gương tốt để dành Hội Thánh,
 Năng dạy khuyên các cánh bất trung.
 Đừng nên ghét kẻ gian hùng,
 Coi phần hôn trọng độ giùm là hay
Cứ thương mãi giúp cho nhân loại
Chơn lý kia cạn giải đôi lời
Từ bi, Bác ái, và Trời.

C8.

Người cũng vốn Cha Thầy luôn Một
 Cả Chơn Linh hài cốt tay Người.
 Nuôi mình dùng vật thanh tươi
 Tạo hôn lấy phép tột vời Chí Linh
 Nơi Người vốn quang minh cách trí

*Tấn hoá hôn phép qui không ngưng.
Vật hèn trước mắt thành trần,
Hôn hèn Người lại dành phần Phật Tiên*

Luật thương yêu, quyền là công chánh
*Gần thiện căn xa lánh phạm tâm
Làm Cha nuôi sống âm thầm,
Làm Thầy lại nhượng phẩm Thần ngôi Tiên.*

Chú thích: CHA và THẦY là hai tiếng rất thân thiết mà các tín đồ Đạo Cao Đài thường dùng để gọi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Mỗi người chúng ta đều có Tam thể xác thân:

Thể xác bằng xương thịt do cha mẹ phạm trần sanh ra.

Chơn thần tức là xác thân thiêng liêng do Đức Phật Mẫu tạo ra. Do đó, chúng ta gọi Đức Phật Mẫu là Đại Từ Mẫu, tức là Đức Mẹ thiêng liêng.

Chơn linh hay linh hồn là Điểm Linh quang do Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang ban cho mỗi người để điều khiển Chơn thần và thể xác. Do đó, chúng ta gọi Đức Chí Tôn là Đại Từ Phụ, là Đấng Cha thiêng liêng.

Khi Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo, mở ĐĐTKPĐ, Đức Chí Tôn xưng mình là Thầy và gọi các tín đồ là môn đệ. Như vậy, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, vừa là CHA, vừa là THẦY của chúng ta và của toàn Nhơn loại. Buổi đầu, Đức Phạm Hộ Pháp rất thắc mắc về điều này, nên mới đem ra hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

PHỤ LỤC 2
SÁU BÀI KINH DO ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
BAN CHO

ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN CÓ GIÁNG CƠ
ban cho Đạo Cao Đài 6 Bài Kinh Thiên Đạo và
Thế Đạo:

- Kinh Tẩm Thánh.
- Kinh Hôn Phối.
- Kinh Tãn Liệm.
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- Kinh Khi Đã Chết Rồi
- Kinh Đưa Linh Cữu.

KINH TẨM THÁNH

(Giọng Nam xuân)
Những vạn-vật Âm Dương Tạo-Hóa,
Dầu cỏ cây hoa quả biến sanh.
Con người đứng phẩm tối linh,

Nửa người nửa Phật nơi mình anh nhi.
Đại Từ-Phụ Từ-Bi tạo-hóa,
Tượng mảnh thân giống cả Càn-Khôn.
Vẹn toàn đủ xác đủ hồn,
Xây cơ chuyển thể bảo-tồn vạn-linh.
Xin gìn-giữ Thánh hình thanh-bạch,
Xin xá ân rửa sạch tiền khiên.
Căn xưa ví dữ cũng hiền,
Dầu ra cửa tội đủ quyền cao-siêu.
Công nuôi dưỡng nâng-niu khổ nhọc,
Phép thương yêu cũng học nơi Thấy.
Sanh nơi đây, ở nơi đây,
Trăm năm là tuổi đủ đầy mạng căn.
Chốn hồng-trần quen lẫn gió bụi,
Cánh phù-ba may rủi cũng duyên.
Đã gan dốc kiếm diệu-huyền,
Sanh sanh là phận, hiền hiền là công.
Đừng thối chí ngã lòng trở gót,
Để cho đời chua xót tình thương.
Trăm năm thọ khảo vĩnh-trường,
Thuận căn thuận mạng đôi đường cao thẳng.

Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (Niệm 3 lần)

Ý NGHĨA

Kinh Tắm Thánh do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho. Đồng nhi tụng bài kinh này trước khi vị Chức sắc hành pháp Tắm Thánh cho các trẻ em trong Đạo.

Tắm Thánh: Xối nước Thánh lên đầu đứa bé. Nước

Thánh đó là Ma Ha Thủy. Theo Tân Luật của Đạo Cao Đài, phần Thế Luật, điều thứ 22: “Đưa con nít khi được 1 tháng sắp lên, phải đem đến Thánh Thất sở tại mà xin làm Lễ Tẩm Thánh và ghi vào Bộ Sanh của bốn đạo.”

Mục đích của Phép Tẩm Thánh là: Trình với Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu, cùng các Đấng Thiêng liêng để công nhận đứa bé này là con cái của Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu trong Đạo Cao Đài. Tẩy trừ Chơn thần đứa bé để nó được thông minh, đạo đức.

GIẢI NGHĨA

C. 1 & 2: **Vạn vật** 萬物: Muôn vật, là tất cả các loài vật hữu sanh, từ vật chất, kim thạch, thảo mộc, thú cầm và nhơn loại.

Âm Dương 陰陽: Hai thứ khí do Thái Cực biến hóa ra, gọi là Lưỡng Nghi.

Theo Dịch học, sự hóa sinh và phát triển của vạn vật trong Vũ trụ đều do sự giao cảm của hai khí Âm Dương (hay Càn Khôn) mà ra. Còn theo Thánh giáo của Đức Chí Tôn, Ngài là ngôi Thái Cực do Hư Vô Chi Khí hóa thành, rồi Thái Cực mới phân ra Lưỡng Nghi: Dương quang và Âm quang. Đức Chí Tôn cầm quyền Dương quang, còn Âm quang thì do Phật Mẫu chưởng quản. Phật Mẫu mới dùng khí sanh quang của ngôi Thái Cực phối hợp với Âm quang để tạo ra Càn khôn Vũ trụ và vạn vật.

Vật chất thì do các nguyên tử có Dương điện và có Âm điện kết hợp tạo thành; Thảo mộc thì có nhụy đực nhụy cái; Thú cầm thì có con trống con mái; Nhơn loại thì có Nam Nữ; hai nguyên lý Âm Dương ấy kết hợp mới sanh hoá được.

C. 3: Con người đứng phẩm tối linh. Bởi vì theo Luật Tiến hóa, loài Kim thạch tiến hóa lên thành Thảo mộc, Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, Thú cầm tiến hóa lên Nhơn loại. Nhơn loại là bậc cao hơn hết trong chúng sanh, nên được gọi là Thượng đẳng chúng sanh.

Con người lại có đủ Tam hồn. Từ Kim thạch vô tri giác, tiến hóa lên Thảo mộc có sự sống rõ rệt, nên Thảo mộc có được một phần hồn, gọi là Sanh hồn. Thảo mộc tiến hóa lên Thú cầm, nó có thêm một phần hồn nữa gọi là Giác hồn, để có sự cảm giác và hiểu biết. Thú cầm tiến hóa lên Nhơn loại thì có thêm một phần hồn nữa là Linh hồn. Vì vậy, **con người linh hơn vạn vật nhờ có đủ Tam hồn: Sanh hồn, Giác hồn, Linh hồn.** Nhờ đó, con người có được sự sống, sự cảm giác hiểu biết, sự suy nghĩ và có tánh linh hơn vạn vật. Nhờ có Linh hồn nên con người có thể tu thành Thần Thánh Tiên Phật được.

C. 4: Nửa người nửa Phật: Ý nói con người vừa có Phàm tánh, vừa có Phật tánh, hay nói một cách mạnh mẽ hơn là: Con người vừa có Thú tánh, vừa có Phật tánh, tức là vừa có tánh ác, vừa có tánh thiện.

“Chúng ta ngộ thấy trong mình chúng ta có Thần và Thú. Vì cơ cho nên Triết lý Thất tình định duy chủ, muốn làm Phật thì làm, muốn làm Thú thì làm, bởi nó định theo tình dục của nó. Bây giờ, trong thân thể của chúng ta, trong nguyên bốn của chúng ta vẫn thường chiến đấu: Phật chiến đấu với Thú, Thú chiến đấu với Phật. Hai hình trạng của Đời và của Đạo, Đạo xu hướng theo Phật, Đời xu hướng theo Thú, hai tương quan phản khác nhau. Vì cơ cho nên, Thuyết Duy Tâm và Duy Vật hay tương đối với nhau.”

■ *(Thuyết đạo về Bí Pháp của Đức Phạm Hộ Pháp).*

Nửa người nửa Phật nơi mình Anh nhi, là trong mình đứa trẻ vừa có Phạm tánh, vừa có Phật tánh.

C. 5-6: Đấng Đại Từ Phụ mở lòng từ bi tạo hóa ra con người, nắn đúc ra thân thể có cấu tạo giống như Trời Đất. Hễ Trời Đất có gì thì con người có nấy, nên con người được gọi là Tiểu Thiên Địa, Trời Đất là Đại Thiên Địa.

Trời có Tam Bửu là Nhật, Nguyệt, Tinh; Đất có Tam Bửu là Thủy, Hỏa, Phong; thì con người có Tam Bửu là: Tinh, Khí, Thần.

Trời có Ngũ Khí; Đất có Ngũ Hành: Kim, Thủy, Mộc, Hỏa, Thổ; người có Ngũ Tạng: Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận.

Trời có Tứ Tượng; Đất có Tứ phương; người có Tứ Chi: 2 tay, 2 chân.

C. 7: Con người có đầy đủ Linh hồn và Thể xác.

Thể xác ở đây, nếu chúng ta hiểu rộng ra thì có 2 trường hợp: Nơi cõi trần thì xác phàm; nơi cõi thiêng liêng thì xác thân thiêng liêng. Khi con người đầu thai xuống cõi phàm trần thì con người mang thêm xác thân phàm trần bằng xương bằng thịt, gọi là Đệ Nhứt xác thân. Còn xác thân thiêng liêng lúc đó ẩn trong xác thân phàm, làm khuôn viên cho xác thân phàm (THỂ VÍÁ hay Đệ Nhị xác thân). Khi xác thân phàm chết, xác thân thiêng liêng xuất ra, lấy y hình ảnh của xác thân phàm như khuôn in rập. Xác thân thiêng liêng bao bọc linh hồn bay trở về cõi thiêng liêng.

C. 8: Chuyển thể là làm cho đời thay đổi để tiến hóa cho tốt đẹp hơn. Sự đổi thay nầy không ngoài khuôn luật tuần hoàn. *Xây cơ chuyển thể bảo tồn Vạn linh*, nghĩa là:

Xây dựng cơ quan Chuyển thể để bảo tồn chúng sanh. Cơ quan Chuyển thể mà Đức Chí Tôn xây dựng là ĐĐTKPĐ, tức là Đạo Cao Đài.

C. 9: Thánh hình là hình thể thiêng liêng của con người. Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tạo ra hình thể của con người rất thiêng liêng huyền diệu, bởi vì hình thể này “*giống cả Càn Khôn*”, nên con người mới được gọi là Tiểu Thiên Địa.

Xin Đức Chí Tôn gìn giữ mảnh hình hài này cho được hoàn toàn trong sạch.

C. 10: Tiên khiên là tội lỗi đã gây ra trong các kiếp sống trước.

Xin Đức Chí Tôn ban ơn tha tội và rửa sạch những tội lỗi trong các kiếp sống trước của đứa bé.

C. 11 & 12: *Nếu như kiếp trước nó là người hung dữ, xin Đức Chí Tôn cho nó trong kiếp này là người hiền lành. Mặc dầu Chơn linh đứa bé mới ra khỏi nơi tội lỗi, nay chuyển kiếp làm người (do Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn) thì cũng xin Đức Chí Tôn ban cho nó đầy đủ quyền tự chủ để lập vị cao siêu.*

C. 13: *Công lao nuôi dưỡng và nâng niu chăm sóc đứa bé thật là khổ cực và nhọc nhằn.*

C. 14: *Phải học nơi Đức Chí Tôn về Luật thương yêu, bởi vì lòng thương yêu của Đức Chí Tôn thì vô cùng vô tận.*

C. 15 & 16: **Mạng căn:** Mạng là cái mạng sống của con người, căn là gốc rễ. Mạng sống có được là do Đức Chí Tôn ban cho Chơn linh ngự trong xác thân; còn cái gốc rễ của con người là do nơi các việc làm trong tiền kiếp,

tạo thành cái nghiệp, quyết định số phận kiếp sống hiện tại. Do đó mạng căn là cái mạng sống và số phận của nó. Đây là 2 câu kinh căn dặn và nhắc nhở tâm thức của đứa bé đang thọ phép Tắm Thánh: *Được sanh ra ở nơi đây, sống ở nơi đây, hạn định của kiếp sống thường là 100 tuổi, với đầy đủ mạng sống và số phận.*

C. 17: *Nơi cõi trần, con người phải chịu đựng cho quen nhiều nỗi gian nan vất vả.*

C. 18: *Cảnh đời luôn luôn thay đổi mau chóng, hết may tới rủi, hết rủi tới may, cũng do nơi những mối dây ràng buộc từ trước (không ra ngoài khuôn Luật Nhân quả).*

C. 19: **Kiểm diệu huyền:** Cây gương huyền diệu, ý nói cây gương trí huệ. Người tu cần phải dùng cái trí huệ của mình để trừ diệt vô minh và phiền não. Cái trí huệ như cây kiểm huyền diệu, phiền não và vô minh như những tên giặc cướp, phải dùng cây kiểm trí huệ mới diệt trừ được chúng.

Đã có can đảm quyết chí tu hành để đạt được trí huệ, thì phải dùng cái trí huệ này như một cây kiểm huyền diệu để diệt trừ vô minh và phiền não.

Hai câu 18 và 19 cũng để nói với đứa bé đang chịu Phép Tắm Thánh rằng, khi lớn lên sẽ phải chịu nhiều nỗi vất vả nơi cõi trần, nhưng phải rón lo tu hành cho đạt được trí huệ thì mới dứt được phiền não.

C. 20: *Sống và phát triển thêm ra là bốn phận, dùng sự hiền lành và tài giỏi để lập công với đời.*

C. 21–22: Hai câu kinh này cũng để căn dặn đứa bé Tắm Thánh: *Đừng thấy cõi trần có nhiều khổ đau phiền não mà thối chí ngã lòng lui bước trở lại cõi TL (ý nói chết),*

để cho cha mẹ và những người thân phải đau đớn xót xa vì thương tiếc.

C. 23: **Thuận căn** là thuận theo số phận của mình để trả cho dứt nghiệp. **Thuận mạng**: Thuận theo cái mạng sống của mình do Đức Chí Tôn ban cho, tức là thuận theo đức háo sanh của Đức Chí Tôn. **Caio thăng**: Phẩm vị được đưa lên cao hơn.

Đây là câu cầu chúc đứa bé sống lâu: Đời người sống được trăm tuổi là trường thọ.

C. 24: *Phải thuận theo số phận của mình để trả dứt nghiệp (mà không tạo ra nghiệp mới), hoặc phải thuận theo đức háo sanh của Đức Chí Tôn, cả hai đường đều giúp cho Chơn linh được cao thăng phẩm vị nơi cõi thiêng liêng.*

KINH HÔN PHỐI

(Giọng Nam xuân)

*Cơ sanh-hóa Càn-Khôn đào-tạo,
Do Âm-Dương hiệp đạo biến-thiên.*

*Con người nắm vững chủ-quyền,
Thay Trời tạo thế giữ giếng nhưn-luân.*

*Ở trước mắt Hồng-Quân định phận,
Đạo vợ chồng đã xứng nợ duyên.*

*Trăm năm khá nhớ hương-nguyên,
Chồng hay trọn nghĩa, vợ hiền trọn trinh.*

*Đã cùng gánh chung tình hòa-ái,
Tua dứt cơm, sửa dãi làm duyên.*

*Dưới trăng bóng ngọc còn nguyên,
Ôm bình, bao tóc sang hèn cũng cam.*

*Đường tổ-nghiệp nữ nam hương lửa,
Đốt cho nòng từ bữa ba sanh.
Giữa đèn để một tấc thành,
Đồng sanh, đồng tịch đã đành nương nhau.*

Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (Niệm 3 lần)

Ý NGHĨA

Kinh Hôn Phối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho, để tụng trong khi vị Chúc sắc làm Phép Hôn Phối cho Cô dâu và chú rể (Tân hôn) trong Nội điện Tòa Thánh.

GIẢI NGHĨA

C. 1 & 2: *Cơ sanh hóa của Đức Chí Tôn tạo ra Càn Khôn Vũ Trụ và vạn vật là do hai Khí Âm quang và Dương quang hợp lại và biến hóa sanh ra.*

C. 3 & 4: Nhơn luân là phép tắc để con người cư xử với nhau cho hợp lẽ phải và đạo đức.

Con người được Đức Chí Tôn giao cho cái chủ quyền thay thế Đức Chí Tôn tạo ra cõi đời, và phải gìn giữ giềng mối Nhơn luân.

C. 5 & 6: Hồng Quân là Ông Trời, Hóa Công, Thượng Đế.

Ở trước mặt Đức Chí Tôn, các Đấng sắp đặt số phận hai người thành vợ chồng, cư xử cho xứng duyên nợ với nhau.

C. 7 & 8: *Suốt đời phải ghi nhớ buổi đốt nhang khấn vái thể nguyện với nhau. Chồng tài giỏi giữ trọn nghĩa thì người vợ hiền phải giữ trọn tiết trinh.*

C. 9 & 10: **Đút Cơm:** Tổng Hoàng có một người vợ

chẳng may bị bệnh phải mù lòa. Hằng ngày, ngoài giờ làm việc quan, Tống Hoàng săn sóc vợ và đút cơm cho vợ ăn. Dù vợ bị mù lòa nhưng Tống Hoàng vẫn một lòng thương yêu chung thủy. Vua Quang Vũ có chị là Hồ Dương Công Chúa sớm góa chồng, rất ái mộ Tống Hoàng và thường nói: Nếu ai được như Tống Hoàng thì Công Chúa mới chịu ứng làm chồng. Vua Quang Vũ biết vậy nên gọi riêng Tống Hoàng đến ướm lời:

– Ngạn vân: Quý dịch giao, phú dịch thê, hữu chử?*(Ngạn ngữ nói rằng: Sang đổi bạn, giàu đổi vợ, có chăng?)*

Tống Hoàng tâu rằng: Thần văn: Bản tiện chi giao mạc khả vong, tào khang chi thê bất khả hạ đường. *(Thần nghe: Bạn bè lúc nghèo hèn chớ nên quên, người vợ tấm cám chớ để nhà sau.)*

Hán Quang Vũ và Công Chúa nghe Tống Hoàng nói thế thì bỏ ngay ý định của mình và rất kính phục Tống Hoàng.

Sửa Dải: Dải là cái băng dài bằng vải hay lụa, cột thông xuống nơi áo lễ hay nơi mào, gọi là dải áo hay dải mào. *Sửa dải là người vợ sửa dải áo hay dải mào trong bộ triều phục của chồng trước khi chồng vào triều chầu vua, ý nói: Người vợ chăm nom săn sóc chồng.*

Đã cùng gánh chung tình hòa ái, Tua đút cơm sửa dải làm duyên, nghĩa là: Đã cùng nhau xây dựng gia đình thì phải giữ lòng chung thủy thương yêu hoà thuận cùng nhau, săn sóc nhau lúc hoạn nạn như Tống Hoàng đút cơm cho vợ mù lòa, như vợ Châu Công sửa dải áo và dải mào cho chồng, tỏ tấm lòng thương yêu chăm sóc nhau.

C. 11: *Dưới ánh trăng, hình dáng của người con gái đẹp vẫn giữ được nguyên vẹn.*

Diễn tích: Có một vị quan sanh được một đứa con gái rất đẹp, lại có tài văn học. Khi đến tuổi cập kê, ông muốn chọn rể đông sàng cho vừa ý con gái, bằng cách cho con gái thử thách tài nghệ các chàng trai đến dạm hỏi. Vào một đêm trăng, ông cho trải chiếu giữa sân để con gái cùng cậu trai đàm thuyết thử tài nhau. Chàng trai giữ đúng tư cách lễ nghi, lại có tài văn học, nên được chọn làm rể. Hai vợ chồng ăn ở rất tương kính và hạnh phúc.

C. 12: Ông Đậu Nghị là một quan lớn có người con gái rất đẹp vừa đến tuổi lấy chồng. Ông muốn chọn rể có tài cung kiếm. Trong nhà có treo tấm bình phong, trên đó có vẽ đôi chim sẻ rất đẹp, lay động theo làn gió nhẹ. Chàng trai nào bắn trúng mắt chim sẻ thì được nhận làm rể. Nhiều cậu đến bắn nhưng không trúng, tới phiên Lý Uyên đến bắn thì trúng ngay mắt chim nên được nhận làm rể. Về sau, Lý Uyên trở thành vua Đường Cao Tổ, mở ra nhà Đường và vợ trở thành Đậu Hoàng Hậu. Hai vợ chồng vẫn giữ mãi tấm bình phong để làm kỷ niệm mối duyên vợ chồng.

Vào đời nhà Đường có Ông Giả Trực Ngôn đang làm quan, vì mang tội với vua nên bị vua đày đi xuống Lãnh Nam 20 năm. Giả Trực Ngôn về than với vợ: Tôi chẳng may bị vua bắt tội, đày vào Lãnh Nam 20 năm, không biết sống chết lẽ nào. Vậy nay tôi không ràng buộc nàng làm vợ tôi nữa, để nàng tự do chọn tấm chồng khác nương nhờ tấm thân về sau. Người vợ nghe nói vậy thì khóc rống lên, rồi đi lấy lụa trắng vấn tóc lại thật chặt, xong bảo chồng lấy viết đề lên đó mấy chữ: “*Phi quân thú*

bất giải” (Không phải tay chồng không được gỡ ra). Ý vợ của Ngôn quyết giữ lòng chung thủy, chờ ngày chồng mãn hạn lưu đầy trở về đoàn tụ.

Đã kết thành vợ chồng với nhau thì phải giữ lòng chung thủy đến trọn đời, nếu giàu sang thì cùng hưởng, nếu hoạn nạn thì cùng chung chịu.

C. 13 & 14: *Để nối tiếp sự nghiệp của Tổ tiên, vợ chồng phải thương yêu, gắng sống hạnh phúc với nhau, vì việc vợ chồng là duyên nợ tiền định.*

C. 15 & 16: *Giữa đền thờ Đức Chí Tôn, hãy bày tỏ tấm lòng thành thật. Vợ chồng sống chết có nhau thì phải giữ lòng chung thủy, nương dựa với nhau suốt đời.*

KINH CẦU HỒN KHI HẤP HỐI

(Giọng Nam ai)

*Rắp nhập cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống,
Chốn quê xưa giải mộng trần-gian.*

*Đi đường thoát tục nắm phan,
Trông Kinh Bạch-Ngọc định thân giải căn.*

*Điều-Trì Cung sai nàng Tiên-Nữ,
Phép Lục-Nương gìn-giữ chơn-hồn.*

*Tây phương Tiếp-Dẫn Đạo-Nhơn,
Phườn linh khai mở nẻo đường Lôi-Âm.*

*Ở..(tên họ kẻ qui vị).. thành tâm cầu nguyện,
Nguyện Chí-Tôn linh hiển độ sanh.*

*Ấn-nấn sám-hối tội tình,
Xét câu Minh-thệ gởi mình cõi thăng.*

Dầu nguyệt-chương số căn quả báo,

*Đừng hãi-kinh cầu-đảo Chí-Tôn.
Cửa địa-ngục, khá lánh chơn,
Ngọc-Hư Cực-Lạc don đường ruổi dong.
Dầu trọn kiếp sống không nên Đạo,
Dầu oan gia tội báo buộc ràng.
Chí Tôn xá tội giải oan,
Thánh, Thần, Tiên, Phật, cứu nàn độ vong.
Kìa chiếu diệu bóng hồng Bắc Đẩu,
Kìa im lìm phúc hậu Nam Tào.
Cảnh thẳng trời gót cho mau,
Xa vòng tục lự đặng châu Chí Linh.*

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Ý NGHĨA

Kinh Cầu Hôn Khi Hấp Hối do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho, để tụng lúc một vị Tín đồ đang hấp hối hay vừa mới dứt hơi.

GIẢI NGHĨA

C. 1: **Cảnh Thiêng liêng Hằng sống:** Cõi của những người đắc Đạo. Con đường TLHS: là con đường dành cho các chơn hôn, khi thoát xác, từ bỏ cõi trần, trở về với Đức Chí Tôn nơi cõi Thiêng liêng để được định vị thẳng hay đọa.

Hôn người hấp hối sắp sửa bước vào cõi Thiêng liêng Hằng sống.

C. 2: Cõi trần là cõi tạm, nơi mà Đức Phật Mẫu cho xuống học hỏi, khi xong một kiếp thì phải trở về. Cái sống nơi cõi trần là sống tạm, cái sống nơi cõi Thiêng Liêng

Hằng Sống mới là cái sống vĩnh cửu.

Cái chết nơi cõi trần là để linh hồn trở về nơi quê cũ.

C. 3 & 4: **Phan** 幡: Cây phướn, một cây tựa như lá cờ, bề ngang hẹp, có chiều dài, trong lá phướn có ren lụa thêu rữ xuống. Trong Đạo Cao Đài có nhiều loại phướn như: Phướn Thượng Sanh, phướn Thượng Phẩm, phướn Truy hồn... Theo đạo Cao Đài, khi một người chết thì Chơn linh phải có cây phướn để dẫn dắt đường đi. Về thể pháp, nếu người chết từ phẩm Lễ sanh trở xuống chức việc, đạo hữu, thì Chơn linh người chết được hướng dẫn bằng cây Phướn Thượng Sanh; nếu người chết từ phẩm Giáo Hữu trở lên thì Chơn linh người chết được dìu dẫn bằng cây Phướn Thượng Phẩm. Về bí pháp, thì nơi Thiêng Liêng mỗi Chơn hồn đều được dẫn dắt bằng phướn Tiếp Dẫn hay phướn Tiêu Diêu.

Kinh Bạch Ngọc: Hay Bạch Ngọc Kinh 白玉京, tòa kinh thành bằng ngọc trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Khi Chơn linh thoát khỏi cảnh trần tục thì phải do theo cây phướn để dẫn đường.

Chơn linh phải cõi bỏ hết mọi căn nghiệp nơi thế gian, rồi định tĩnh tinh thần mà trông về Bạch Ngọc Kinh.

C. 5 & 6: **CHƠN HỒN:** Nghĩa thông thường là Linh hồn. Nhưng trong tất cả các bài kinh do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ, Ngài đều dùng từ ngữ Chơn hồn để chỉ Chơn thần của con người, tức là Xác thân Thiêng liêng, hay Nhị xác thân.

Diêu Trì Cung 瑤池宮: Diêu Trì hay Dao Trì là một cái ao được làm bằng ngọc dao. Ao Dao Trì nằm nơi

cung ngự của Đức Phật Mẫu, nên cung này được gọi là Diêu Trì Cung, và Phật Mẫu được gọi là Diêu Trì Phật Mẫu hay Diêu Trì Kim Mẫu.

Lục Nương 六娘: Vị Tiên Nương đứng hàng thứ sáu trong Cửu Vị Tiên Nương nơi Diêu Trì Cung. Bà thường cầm bửu pháp là cây phước Tiều Diều hay phước Truy Hồn để gìn giữ và diu dắt các chơn hồn có căn duyên về cõi Tây Phương.

Nơi Diêu Trì Cung Đức Phật Mẫu sai một vị Tiên nữ. Đó là Lục Nương Diêu Trì Cung cầm cây phước Tiều Diều để dẫn dắt Chơn hồn người mới chết.

C. 7 & 8: **Tây Phương** 西方: Một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà giáo hóa, đó là Cực Lạc Thế Giới hay An Lạc Quốc. Cõi này nằm ở hướng Tây nên còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Tây Phương Tịnh Độ.

Tiếp Dẫn Đạo Nhơn 接引道人: Hay Tiếp Dẫn Phật là vị Phật cầm cây phước Tiếp Dẫn có nhiệm vụ tiếp rước và dẫn dắt các Chơn linh đắc Đạo về cõi Tây Phương Cực Lạc.

Lôi Âm tức Lôi Âm Tự 雷音寺: là một ngôi chùa ở tại Cực Lạc Thế Giới nơi cõi Thiêng Liêng. Khi thuyết đạo về “*Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống*”, Đức Hộ Pháp có nói về Lôi Âm Tự như sau: “*Đêm nay Bản đạo rủ cả thầy vô Lôi Âm Tự, cũng như Bản đạo đã đến trình diện với Đức Di Đà. Bởi Đức Di Đà đã giao quyền lại cho Đức Di Lạc, giao quyền chương quản Càn Khôn Vũ Trụ, Đức Di Lạc ngồi ngự nơi Kim Tự Tháp, còn Đức Di Đà vào ngự nơi Lôi Âm Tự*”.

Nơi cõi Tây Phương Cực Lạc có vị Phật là Đức Tiếp

Dẫn Đạo Nhơn.

Tay cầm phướn Tiếp Dẫn là một cây phướn linh thiêng để đi khai mở con đường dẫn đến Lôi Âm Tự.

C. 9 & 10: Kêu tên họ của người đang hấp hối nhằm đánh thức sự mê loạn tâm thần do đau đớn thân xác, nghiệp quả oan khiên tạo nên. Ngoài ra, kêu tên họ cũng để nhắc nhở cho người ở trong cận tử nghiệp có lòng hướng về Chí Tôn và Đạo pháp. Để việc độ hồn được cảm ứng với các Đấng Thiêng liêng hầu truyền giúp cho Chơn linh giảm bớt nặng nề ô trược mà nhẹ nhàng siêu thoát, thì những người cầu rỗi buộc phải thành tâm và tinh tấn.

Kêu gọi tên họ của người sắp chết nhằm nhắc nhở Chơn hồn hãy thành tâm cầu nguyện Đức Chí Tôn. Cầu xin Chí Tôn linh hiển mà cứu độ cho thoát khỏi bể khổ để được hằng sống nơi cõi Thiêng Liêng.

C. 11 & 12: **Minh thệ** 盟誓: Lời thề nguyện trước Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Bất cứ người nào xin nhập môn vào đạo Cao Đài đều phải lập lời Minh thệ trước Thiên bàn hay Điện tiền Chí Tôn, có sự chứng kiến của vị Chánh Trị Sự hay Chức sắc sở tại để buộc người nhập môn phải thủ tín, tức là một lòng một dạ giữ gìn và thờ phượng nền chánh đạo, chẳng dám làm điều gì sai lời thề nguyện hầu kềm thúc tâm phạm tách tục của mình cho đến phút lâm chung. Thánh giáo Thầy có cho biết như sau: “*Thầy sai Quan Thánh và Quan Âm đến gìn giữ các con, nhưng phần đông chưa lập Minh thệ, nên chư Thần, Thánh, Tiên, Phật không muốn nhìn nhận*”. Do có lời Minh thệ, nên suốt kiếp sanh của người nhập môn lúc nào cũng phải giữ tròn Tàn luật,

Pháp chánh truyền, Ngũ giới cấm, Tứ đại điều qui... của Đạo và trọn lòng với Chí Tôn, Phật Mẫu.

Chọn hôn sắp là khởi xác phải biết ăn năn, sám hối những tội tình trong lúc sanh tiền.

Nhất là tự xét mình xem có làm đúng lời Minh thệ khi mới nhập môn vào Đạo. Nếu giữ vẹn lời Minh thệ, làm tròn một môn đệ Chí Tôn thì sẽ được siêu thăng.

C. 13 & 14: **Nghiệt chương** 孽障: Sự trở ngại hay ngăn trở do các mầm ác gây ra. Những hành vi hung ác trong kiếp trước do mình làm ra sẽ tạo nên nghiệp quả mà kiếp này phải thọ nhận. Ác nghiệp đó gây nhiều trở ngại trong kiếp sống hiện tại của chúng ta, nên được gọi là chương.

Số căn 數根: Cái số phận do căn nghiệp tạo ra. Căn là gốc rễ, do gốc rễ đó mà kiếp sống hiện tại của con người phải thọ lãnh cái nghiệp. Nếu kiếp trước làm điều thiện, thì tạo căn lành cho kiếp sống hiện tại, nếu kiếp này làm những việc ác, thì tạo ác căn cho kiếp lai sinh. Như vậy căn hay gốc rễ sẽ tạo thành cái nghiệp cho con người, nên gọi là căn nghiệp hay căn quả. Căn nghiệp hay căn quả đó mới định ra số phận của con người nên được gọi là số căn.

Dầu cho số phận bị căn nghiệp gây thành quả báo đến mình đi nữa.

Cũng đừng có kinh sợ mà phải cầu khẩn Đức Chí Tôn.

C. 15 & 16: **Ngọc Hư** 玉虛: Ngọc Hư cung là nơi cung ngự của Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Đây chỉ nơi cõi Thiêng Liêng.

Cực lạc 極樂: Còn gọi là Tây Phương Cực Lạc, Cực

Lạc Thế Giới, Tây Phương Tịnh Độ hay An Lạc Quốc là một cõi Tịnh độ do Đức Phật A Di Đà. Đây cũng chỉ nơi cõi Thiêng Liêng.

Câu Kinh nhắc nhở Chơn hồn nên xa lánh nơi cửa Địa ngục,

Mà nên tìm đường đi thẳng một mạch đến Ngọc Hư Cung và cõi Cực Lạc Thế Giới.

* Khuyến như thế nhưng Chơn hồn có thực hiện được hay không là do duyên phần mà cả kiếp sanh người ấy đã tạo ra hoặc thiện hoặc ác, để mang theo làm hành trang nghiệp quả trong phút trở về quê xưa vị cũ. Còn sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng, lời kinh tiếng kệ của người thành tâm cầu nguyện chỉ là một phần nào trợ giúp cho vong linh nhẹ nhàng siêu thoát mà thôi.

C. 17 & 18: Dấu cho lúc còn sống không trọn vẹn người đạo đức, không giữ tròn như luân, không vẹn đạo tu hành.

Dấu cho oan gia hay quả báo do tội lỗi gây ra lúc trước đeo theo ràng buộc.

C. 19 & 20: Trong thời kỳ Khai Đạo, Đức Chí Tôn đại khai ân xá, ban cho Phép Giải Oan để cởi bỏ hết các oan nghiệt đã gây ra trong kiếp sống, đồng thời cũng ban cho Phép Xác để tẩy rửa Chơn thân cho trong sạch. Phép Đoạn căn để cắt đứt 7 Dây Oan nghiệt, cho Vong hồn được siêu thăng. Thời kỳ này là thời kỳ mà nhưn loại được hưởng nhiều ơn huệ nhất của Chí Tôn.

Câu xin Đức Chí Tôn xá hết những tội lỗi và cởi bỏ hết các mối oan nghiệt.

Và các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật cứu giúp các

tại nạn và tế độ vong hồn cho được siêu thoát.

Câu 21 & 22: Bắc Đẩu 北斗: Là một ngôi sao sáng nằm ở phương bắc. Sao Bắc Đẩu là một định tinh nằm trong bảy vì sao, gọi là Thất tinh 七星.

Nam Tào 南曹: Là một ngôi sao ở phương nam, còn gọi là Nam Cực tinh.

Nam Tào và Bắc Đẩu là hai vì sao nằm trên trục Nam Bắc của Địa Cầu. Khi Địa Cầu tự quay hay quay xung quanh mặt trời, hai vì sao này vẫn luôn luôn nằm theo hai hướng Nam Bắc của Địa Cầu. Tương truyền, Nam Tào Bắc Đẩu là hai vị Tiên nắm bộ sanh và bộ tử của nhơn loại. Nam Tào còn gọi là Nam Cực Tiên Ông coi về bộ sanh. Bắc Đẩu Tiên Ông coi về bộ tử. Theo Đức Hộ Pháp, nơi Cung Nam Tào Bắc Đẩu “*có một quyển sách Thiên Thơ để trước mặt ta, dờ ra xem thấy tên mình và kiếp sanh của mình đã làm gì thì trong quyển Thiên Thơ ấy nó hiện tượng ra hết; chúng ta tự xử chúng ta, mình làm tào để xử mình, hoặc mình phải dẫu kiếp hay là đoạt đến địa vị nào, mình đứng đến mức nào, thì cũng do mình định đoạt lấy. Vị chương quản nơi cung ấy theo tiếng phàm của chúng ta đặt tên là NAM TÀO BẮC ĐẤU*”.

Kìa Bắc Đẩu Tinh quân chiếu ánh sáng màu hồng rực rỡ. Kìa ngôi Nam Cực tinh quân yên lặng và phúc hậu.

C. 23 & 24: Tục lự 俗慮: Tục là cõi trần tục, lự là sự lo lắng. Tục lự là những nỗi lo lắng, sợ sệt của kiếp sống con người ở cõi trần tục này.

Cõi Thiêng Liêng Hằng Sống kia hãy cất bước lên cho mau.

Hầu xa lánh nơi cõi trần tục đầy sự lo âu này, đặng

vào châu Đức Chí Tôn.

KINH KHI ĐÃ CHẾT RỒI

(Giọng Nam ai)

Ba mươi sáu cõi Thiên-Tào,
Nhập trong Bát Quái mới vào Ngọc-Hư.
Quê xưa trở cõi đọa từ,
Đoạt cơ thoát tục bấy chừ tuyệt luân.
Dưới chín lớp liên thần đưa rước,
Trên hồng quang phủ phước tiêu-diêu.
Linh-Tiểu-Điện, bảng danh nêu,
Nguyên-căn đẹp vẻ mỹ-miêu cao thẳng.
Kính Bạch-Ngọc muôn lần diễn chiếu,
Kêu Chơn hôn vịn núu Chơn-linh.
Nặng lai nặng khứ khinh khinh,
Mau như diễn chiếu nhẹ thành bóng mây.
Cửa Tây-Phương khá bay đến chốn,
Diệt trần tình vui hưởng tiêu-diêu.
Tiên-phong Phật-cốt mỹ-miêu,
Vào kinh Bạch-Ngọc lễ triều CHÍ-LINH.

Ý NGHĨA

Kinh Khi Đã Chết Rồi do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho, dùng để tụng cho những Tín đồ khi đã chết rồi, tụng sau Kinh Cầu Siêu. Hội Thánh sợ e cho vong hồn hoặc người không tu mới được độ hồn, hoặc Đạo Hữu phạm thệ mà đi xuống cõi Phong đồ, nên trước phải tụng Bài Kinh Cầu Siêu, hầu cho vong hồn hồi dương đặng rồi, thì tụng tiếp Bài Kinh Khi Đã Chết

Rồi đặng vong hồn hưởng phép siêu thăng tịnh độ. Tụng ba lần như vậy.

GIẢI NGHĨA

C. 1 & 2: Thiên Tào 天曹: Như chữ Thiên Đình (Theo Từ Điển Việt Hán của Đào Duy Anh). Ba mươi sáu côi Thiên Tào là ba mươi sáu tầng Trời, còn gọi là Tam thập lục Thiên.

Bát Quái 八卦: Tức Bát Quái Đài nơi côi Thiêng Liêng. Trong bài thuyết đạo về Thiêng Liêng Hằng Sống ngày 8 tháng 9 năm Mậu Tý (10-10-1948), Đức Hộ Pháp có mô tả Bát Quái Đài như sau: “Đài ấy có tám góc kêu là *Bát Quái Đài không thể gì chúng ta tả ra với lời nói đặng. Bởi đài ấy huyền bí biến hóa vô cùng; nó có tám cửa, trong tám cửa chúng ta ngó thấy cả vạn linh và vật loại; các hình thể vạn linh đều xuất hiện, hình ảnh sáng suốt hiện hào quang chiếu diệu. Trong tám góc có tám cái cầu. Lạ thay cầu ấy không phải bằng cây ván, mà nó là tám đạo hào quang, cầu ấy bắt ngang bờ. Dưới cầu ấy chúng ta ngó thấy đường như một Bích Hải nước xao, sóng dợn như biển sôi nổi đó vậy. Trong tám góc chúng ta thấy đó, chắc cả thấy đều để ý nơi góc ta đến, thấy như loại đi tới đi lui nhiều hơn hết. Lạ thay! Cầu ấy rất huyền diệu, ai đứng đó được mới biết mình nhập vô Bát Quái Đài”.*

Ngọc Hư Cung 玉虛宮: Cung của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Ở trên là ba mươi sáu côi Thiên Tào hay còn gọi là Tam thập lục Thiên.

Vào trong Bát Quái rồi mới được đến Ngọc Hư Cung.

C. 3 & 4: Quê xưa: theo ý nghĩa Kinh, đó là quê

hương của Chơn linh, nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống. Như chúng ta đã biết, mỗi chúng sanh ở thế gian này là một Tiểu linh quang được chiết ra từ khối Đại linh quang của Đức Chí Tôn. Nếu biết giác ngộ tu hành thì Chơn linh sẽ nhẹ nhàng thoát xác để trở về với Thượng Đế, đó là quê xưa cảnh cũ, hay quê hương đích thực của Chơn linh chúng ta.

Cõi đọa: Còn gọi là đọa cảnh 墮境: Nơi bị đọa. Ở đây chỉ cõi trần gian của con người, vì nơi này là cõi thấp kém, tối tăm, chứa đầy những tội lỗi, ô trược, và khổ não... Cõi đọa là nơi để trừng phạt những linh hồn có tội hay các bậc Thánh, Tiên có lầm lỗi thì bị đọa xuống cõi trần để lập công chuộc tội. Chúng sanh sở dĩ mãi chịu trôi nổi trong vòng sanh tử luân hồi là do bởi nghiệp lực.

Muốn dứt luân hồi phải đoạt cơ thoát tục, nghĩa là tìm nguyên nhân để giải thoát những quả nghiệp sâu nặng. Cơ giải thoát là trí huệ sáng suốt, tức giác ngộ, dứt trừ phiền não. Nhờ có trí huệ chúng ta mới nhận thức việc tu và hành động đúng theo chơn pháp mà đắc Đạo.

C. 5 & 6: *Dưới Cửu Trùng Thiên, Chơn linh đắc Đạo được bông sen thần (sen mẫu nhiệm) đưa bước về cõi Thiêng Liêng.*

Trên thì có vùng ánh sáng rộng lớn bao phủ phước đức cho Chơn linh được thanh thoi nhàn hạ.

C. 7 & 8: **LinhTiêu Điện** 靈霄殿: Là một Điện ở trong Cung Ngọc Hư nơi cõi Thiêng Liêng. Đây là nơi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế họp chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Nguyên căn 元根: Những bậc nguyên nhân, tức là

những bậc được sinh ra đầu tiên, từ lúc khai thiên lập địa.

Ở nơi Linh Tiêu Điện, người đắc Đạo được nêu tên họ lên bảng.

Những bậc nguyên nhân cao thăng lên cõi Thiêng Liêng Hằng Sống, có hình dáng đẹp đẽ mỹ miều.

C. 9 & 10: **Kinh Bạch Ngọc:** Hay Bạch Ngọc Kinh 白玉京: Một tòa Thiên các nguy nga, làm toàn ngọc màu trắng, nơi ngự của Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Bạch Ngọc Kinh chiếu tỏa ra muôn lần điển quang sáng chói.

Chơn thần hấy tinh khiết mới theo Chơn linh nhẹ nhàng bay lên.

C. 11 & 12: *Chơn linh nhẹ nhàng có thể đến và có thể đi.*

Mau lẹ như làn sóng điển chiếu và nhẹ nhàng như đám mây bay.

C. 13 & 14: **Cửa Tây Phương:** Tức là cửa Tây Phương Cực Lạc 西方極樂: Hay Tây Phương Tịnh Độ là một cõi tịnh độ ở Tây Phương do Phật A Di Đà giáo hóa. Nơi đây hoàn toàn tinh khiết, đẹp đẽ, an vui và hạnh phúc.

Trần tình 塵情: Tình cảm của con người ở thế gian, thường chỉ các tình cảm xấu như: Giận, Ghét, Buồn, Tham muốn,... Những tình cảm xấu này làm hao tổn thân khí, mất công đức và gây chướng ngại trên đường tu tiến, nên cần phải chuyển hóa nó vào nẻo cao thượng. Đó là: Hỷ (mừng), Ái (thương), Lạc (vui).

Cửa Tây Phương Cực Lạc hãy bay đến nơi đến chốn.

Diệt trừ hết những thú tình cảm xấu xa nơi cõi trần, mà vui hưởng tiêu diêu, thanh thoi nhàn hạ.

C. 15 & 16: *Hình vóc như Tiên, cốt cách như Phật, thật là xinh đẹp.*

Vào châu lay Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh.

KINH TẤN LIỆM

(Giọng Nam ai)

Dây oan-nghiệt đứt rời trái-chủ,

Nương huyền-linh sạch giữ thất-tình.

Cần khôn bước Thánh thượng trình,

Giải xong xác tục mượn hình Chí-Tôn.

Khởi vật chất vô hồn viết tử,

Đất biến hình tự thử qui căn.

Đừng vì thân ái nghĩa nhân,

Xôn-xao thoát khổ xa lần bến mê.

Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh,

Xác Đất sanh đến lĩnh phục hồi.

Từ từ Cực-Lạc an vui,

Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu-thăng.

Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (Niệm 3 lần)

NGUYỆT-TÂM CHƠN-NHƠN

Ý NGHĨA

Bài Kinh Tấn Liệm do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho chúng sanh trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Kinh Tấn Liệm là bài kinh để đồng nhi tụng trong nghi thức làm lễ Tấn liệm. Tấn, còn đọc là Tấn 殯: đặt xác người chết vào quan tài rồi đập nắp kín lại. Liệm 殮: Bọc xác người chết bằng nhiều lớp vải rồi đặt vào áo quan. Như vậy, tấn liệm là dùng vải trắng và

các thứ vật liệu như giấy, trà hoặc tro trấu... để bọc xác người chết, rồi đặt vào quan tài, đóng kín lại.

GIẢI NGHĨA

C. 1 ở 2:

*Dây oan-nghiệt đứt rời trái-chủ,
Nương huyền-linh sạch giữ thất-tình.*

Dây oan nghiệt: Oán thù và những mầm ác mà con người sống ở thế gian đã gây ra, tạo thành những sợi dây vô hình ràng buộc lẫn nhau, trở thành oan gia trái chủ.

Trái chủ 債主: Người chủ nợ.

Trong thời kỳ Đại Ân Xá, Đức Chí Tôn ban cho Phép Đoạn Căn để Chúc sắc hành pháp cắt đứt các sợi dây oan nghiệt vô hình (thất tình) này, giúp cho Chơn thần người chết xuất ra khỏi xác mà bay trở về cõi Thiêng Liêng.

1. Những sợi dây oan nghiệt đứt thì Chơn thần mới rời được trái chủ mà bay đi.
2. Để giữ sạch thất tình thì phải nương theo phép huyền diệu Thiêng liêng của Chí Tôn (Đó là tu hành).

C. 3 ở 4:

*Cần khôn bước Thánh thượng trình,
Giải xong xác tục mượn hình Chí-Tôn.*

Cần khôn 乾坤: Trời đất.

Hình Chí Tôn: Đây không phải là hình thể, mà là thực thể có trong con người hay vạn vật. Thể đó gọi là thần thể hay Điểm linh quang mà Chí Tôn ban cho con người. Khi con người chết, xác tục được cõi bỏ nơi cõi thế gian thì Chơn hồn phải mượn hình Chí Tôn, đó là những

Tiểu linh quang hay Thân thể mà trở về với Thượng Đế là Đại hồn trong Vũ Trụ.

3. *Chơn linh nhẹ nhàng bước chơn Thiêng liêng mà đi vào cõi Càn Khôn.*
4. *Cởi bỏ xong phàm thể, Chơn linh sẽ trở về với Chí Tôn*

C. 5 & 6:

*Khối vật chất vô hồn viết tử,
Đất biến hình tự thử qui căn.*

Khối vật chất: Xác thân con người được kết hợp bởi vật chất nơi thế gian mà thành, nên gọi là khối vật chất. Xác thân này theo Phật, do bốn nguyên tố, hay bốn đại là: Đất, nước, gió, lửa duyên hợp tạo ra, nên còn gọi là thân tứ đại. Để tồn tại, con người phải ăn uống vật thực, hoa quả, đó là những thứ vật chất nơi thế gian nuôi dưỡng nhục thể. Do vậy xác thân con người chính là một khối vật chất.

Đất biến hình: Đất biến nên hình thể của con người. Thân xác con người là xương thịt do tinh cha huyết mẹ tạo ra nơi cõi thế, nhờ thực vật và động vật là những nguồn được sinh ra từ đất nuôi dưỡng; do vậy, người ta xem khối vật chất ở thế gian biến thành hình hài con người.

5. *Khối hình hài vật chất không có linh hồn thì coi là chết.*
6. *Đất biến nên hình thể con người, khi chết, hình xác đó cũng trở về đất.*

C. 7 & 8:

*Đừng vì thân ái nghĩa nhân,
Xôn-xao thoát khổ xa lần bến mê.*

Bến mê: Còn gọi là Bờ mê, do chữ mê tân 迷津: Chỉ cảnh giới của chúng sanh còn sống trong vô minh, tham dục, mê lầm. Trái với Bờ giác hay bến giác là cảnh giới của chúng sanh đã giác ngộ. Người tu hành phải có trí huệ dùng làm thuyền Bát nhã mới vượt qua biển luân hồi sinh tử đưa đến bờ giác ngộ.

7. *Chơn hồn khi lìa khỏi thể xác, thì đừng nên giữ những tình cảm luyến ái với gia đình và mọi nghĩa nhân của thế gian.*
8. *Thoát khỏi những khổ đau ồn ào, rộn rịp của thế tục, và lẩn lẩn xa lìa khỏi bến mê.*

C. 9 & 10:

*Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh,
Xác Đất sanh đến lĩnh phục hồi.*

Hồn Trời hóa: Linh hồn của con người do Trời sinh ra, nói khác hơn, do Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh Quang ban cho người.

Xác Đất sanh: Thể xác con người do các yếu tố vật chất cấu thành. Khối vật chất là một thể hữu hình, mà hữu hình thì hữu hoại, Nên khi con người chết, xác thân sẽ rã tan mà trở về Đất.

9. *Trời sanh ra linh hồn con người, khi chết thì hồn đó sẽ trở về cõi Trời.*
10. *Con người cấu tạo bởi vật chất; khi chết thể xác đó được lĩnh trở về (cát bụi trở về với cát bụi, tức trở về với Đất).*

C. 11 & 12:

Từ từ Cực-Lạc an vui,

Lánh nơi trước khí hưởng mùi siêu-thăng.

11. *Chơn linh được thông thả vào cảnh Cực Lạc mà an vui.*
12. *Lúc đó, Chơn linh mới thực sự lánh xa khí trước nơi cõi trần mà hưởng sự siêu thăng nơi cõi Thiêng liêng Hằng sống.*

KINH ĐƯA LINH CỬU

(Giọng Nam ai)

Cầu các Trấn Thần linh trợ lịnh,

Giữ Chơn-hồn xa lánh xác trần.

Nam-Mô Địa-Tạng thi ân,

Đưa đường Thiên-cảnh, lánh gần Phong-Đô.

Nam-Mô Tam-Trấn hư-vô,

Oai-nghiêm độ rỗi Cao-Đồ qui-nguyên.

Nam-Mô Tam-Giáo diệu-huyền,

Tuyệt luân Bát-Nhã đưa thuyền độ vong.

Nam-Mô Bạch-Ngọc công công,

Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.

Nam-Mô Thượng-Đế Ngọc-Hoàng,

Mở cơ tận độ nhẹ-nhàng Chơn-linh.

Cửa Cực-Lạc thình thình rộng mở,

Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.

Tòa sen báu vật xin đưa,

Chơn-linh an ngự cho vừa quả duyên.

Nam-Mô Cao-Đài Tiên-Ông Đại-Bồ-Tát Ma-Ha-Tát (Niệm 3 lần)

NGUYỆT-TÂM CHƠN-NHƠN

Ý NGHĨA

Kinh Đưa Linh Cửu do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ ban cho để đồng nhi tụng trong suốt thời gian đưa linh cửu từ nơi phát hành đến nơi chôn cất. Trước khi đưa Linh Cửu, phải làm lễ cúng Thầy, rồi Cáo Từ Tổ, sau đó Đạo Tỳ nhập bái quan. Hễ bắt đầu đi đưa thì đồng nhi tụng Bài Kinh Đưa Linh Cửu ra tới huyệt mộ. Bài Kinh Đưa Linh Cửu có nội dung nhằm cầu nguyện các Đấng Thiêng Liêng giữ cho Chơn hồn xa lánh xác trần, tránh lạc vào chốn Phong Đô và thẳng đường về Thiên cảnh.

Linh cửu là cái áo quan trong đó đã có liệt thi hài của người chết. Theo cách gọi thông thường, khi đưa đi chôn thì gọi là Linh cửu, khi còn đặt trong nhà để tế lễ thì gọi là Quan tài.

GIẢI NGHĨA

C. 1 & 2:

*Cầu các Trấn Thần linh trợ lực,
Giữ Chơn-hồn xa lánh xác trần.*

Các Trấn Thần linh: Các vị Thần thiêng liêng trấn nhậm ở các địa phương như: Thần Hoàng Bốn Cảnh, Thổ Thần, Thủy Thần, Sơn Thần...

1. *Cầu xin các vị Thần linh trấn giữ nơi đây trợ lực giúp cho Chơn linh.*
2. *Và gìn giữ cho Chơn linh người đã chết xa lánh khỏi xác thân ở trần gian.*

C. 3 & 4:

Nam-Mô Địa-Tạng thi ân,

Đưa đường Thiên-cảnh, lánh gần Phong-Đô.

Nam Mô 南無: Do từ Phạn Namah phiên âm ra, có sáu ý nghĩa:

- Qui y: Trở về nương tựa Phật và Bồ Tát.
- Qui mạng: Qui thân mạng của mình.
- Cung kính: Hết lòng chí thành cung kính.
- Cứu ngã: Mong được cứu độ.
- Đánh lễ: Lòng thành kính.
- Độ ngã: Mong tu được qua bờ giác ngộ.

Địa Tạng 地藏: tức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Thời Nhị Kỳ Phổ Độ, Ngài là Giáo chủ cõi U Minh hay cõi Phong Đô, nên gọi Ngài là U Minh Giáo chủ hay Phong Đô Đại Đế.

Phong đô 豐都: Tức là Địa ngục, Âm ty, cõi Trung giới, cõi Âm quang.

3. *Nam Mô cầu xin Địa Tạng Vương Bồ Tát ban ơn cho Chơn linh người vừa chết.*
4. *Để linh hồn được trở về Thiên cảnh, mà lánh xa cõi Âm quang tăm tối.*

C. 5 & 6:

Nam-Mô Tam-Trấn hư-vô,

Oai-nghiêm độ rồi Cao-Đồ qui-nguyên.

Tam Trấn 三鎮: Là ba vị Thiêng liêng, thay mặt cho Tam vị Giáo chủ cầm quyền Tam giáo trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi là Tam Trấn Oai Nghiêm.

- **NHẤT TRẤN OAI NGHIÊM:** Lý Đại Tiên Trưởng (Chơn linh của Lý Thái Bạch), kiêm Giáo Tông

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, cầm quyền Tiên giáo.

- **NHỊ TRẤN OAI NGHIÊM:** Quan Thế Âm Bồ Tát, cầm quyền Phật giáo.
- **TAM TRẤN OAI NGHIÊM:** Quan Thánh Đế Quân, cầm quyền Nho giáo.

Hư vô 虛無: Một cõi giới trống không vắng lặng, bao quát vô cùng tận, thường còn và không biến đổi. Hư vô là cảnh giới vô cùng mầu nhiệm mà chẳng ai rõ thấu, vì cảnh giới ấy vắng lặng trống không mà lại sanh ra các Pháp.

Cao đồ 高徒: Môn đồ của Đấng Cao Đài, tức là những người học trò của đấng Cao Đài Ngọc Đế. Những người được nhập môn vào đạo Cao Đài và từng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ đều là môn đồ của Đức Chí Tôn.

Qui nguyên 歸元: Trở về với ban đầu, hay trở về với gốc. Khối ĐẠI LINH QUANG của Ngọc Hoàng Thượng Đế chiết ra ban cho con người để làm linh hồn, gọi là TIỂU LINH QUANG. Qui nguyên hay qui hồi cựu vị tức là trở về ngôi vị cũ của mình là khối Đại linh quang (Đại hồn) của Chí Tôn.

5. *Nam Mô xin cầu với các Đấng Tam Trấn Oai Nghiêm nơi cõi hư vô mầu nhiệm.*
6. *Dùng oai linh để độ rỗi những Chơn linh của môn đồ Cao Đài (Tin đồ) được trở về với Đức Chí Tôn.*

C. 7 & 8:

*Nam-Mô Tam-Giáo diệu-huyền,
Tuyệt luân Bát-Nhã đưa thuyền độ vong.*

Tam Giáo 三教: Ba nền Tôn Giáo lớn là Phật Tiên Thánh:

- Giáo chủ đạo Phật là Thích Ca Mâu Ni Văn Phật ở Ấn Độ.
- Giáo chủ đạo Tiên là Thái Thượng Đạo Tổ ở Trung Hoa.
- Giáo chủ đạo Thánh là Khổng Thánh Tiên Sư ở Trung Hoa.

Bát nhã 般若: Hán dịch âm từ Prajna, nghĩa là trí tuệ hay trí huệ. Trí tuệ ở đây không phải do trí thức suy luận ra có, mà là thứ trực giác trực tiếp thấy được tánh không, chân tánh của mọi sự vật. Đạt được trí tuệ Bát nhã được xem như là giác ngộ.

Bát nhã thuyền 般若船: Chiếc thuyền trí tuệ. Trí tuệ phá được vô minh, nên được ví như một con thuyền Bát nhã đưa con người đến bờ giác ngộ.

7. *Nam Mô xin cầu nguyện với các Đấng Giáo chủ Tam Giáo Thiêng liêng huyền diệu.*
8. *Xin được đem thuyền Bát Nhã đến cứu giúp các vong hồn để được dứt hết sự luân hồi sinh tử.*

C. 9 ở 10:

*Nam-Mô Bạch-Ngọc công công,
Thần, Tiên, Thánh, Phật mở vòng trái oan.*

Bạch Ngọc Công Đồng 白玉公同: Đây là một phiên Đại Hội gồm chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tại Ngọc Hư Cung, Linh Tiêu Điện, tòa Bạch Ngọc Kinh nơi cõi Thiêng Liêng.

- 9 ở 10: *Nam Mô các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật trong Đại hội Công đồng nơi tòa Bạch Ngọc Kinh. Xin cởi bỏ hết các mối dây ràng buộc của vòng oan khiên*

nghiệp quá.

C. 11 & 12:

*Nam-Mô Thượng-Đế Ngọc-Hoàng,
Mở cơ tận độ nhẹ-nhàng Chơn-linh.*

Tận độ 盡度: Cứu giúp để độ hết chúng sanh. **Cơ tận độ**: Cơ quan có nhiệm vụ tận độ chúng sanh. Cơ quan này là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao Đài. Trong Bài Tựa quyển Kinh Thiên Đạo và Thể Đạo, Hội Thánh có viết như sau:

“Đức Quyển Giáo Tông (khi còn tại thế) và Đức Hộ Pháp, trót 10 năm trường, nghĩa là từ ngày mở Đạo, đã nhiều phen dâng sớ cho Đại Từ Phụ và các Đấng Thiêng liêng đặng xin Kinh Tận độ, nhưng mà Chí Tôn cùng chư Thần Thánh Tiên Phật chưa định ban ân cho toàn sanh chúng. Mãi đến ngày 23 tháng 7 tới ngày mùng 4 tháng 8 năm Ất Hợi (21 đến 31-8-1935) mới giáng cơ ban cho Tân Kinh. Ấy là một giọt nước Cam Lộ của Đức Từ Bi rưới chan đặng gội nhuần cho các đấng linh hồn của toàn thể giới.

Chúng ta thăm xét thì đủ hiểu rằng: Đã trải qua 10 năm, Chí Tôn mới mở Cơ Tận độ. Cơ Tận độ nhưn sanh duy kể từ ngày ban Tân Kinh này mà thôi.”

11 & 12: Nam Mô cầu xin Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Xin mở ra cơ tận độ để cứu giúp hết các linh hồn được nhẹ nhàng siêu thoát.

C. 13 & 14:

*Cửa Cực-Lạc thình thình rộng mở,
Rước vong hồn lui trở ngôi xưa.*

Cửa Cực Lạc: Cửa dẫn vào cõi Cực Lạc Thế Giới

của Phật A Di Đà nơi Tây Phương.

Ngôi xưa: Ngôi vị cũ, hay ngôi xưa vị cũ, nơi Chơn linh an ngự trước khi xuống thế gian; tức phẩm vị nơi cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

13. *Cửa Cực Lạc Thế Giới của Đức A Di Đà Phật lúc nào cũng thành thang mở rộng.*

14. *Tiếp rước các vong hồn lui trở về ngôi xưa vị cũ, tức cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.*

C. 15 & 16:

*Tòa sen báu vật xin đưa,
Chơn-linh an ngự cho vừa quả duyên.*

Quả duyên 果緣: Quả là cái kết quả, duyên là cái sức hỗ trợ cho cái Nhân thành cái Quả, Cái kết quả có được là do sự hỗ trợ của duyên, ví như muốn có hạt lúa (quả) thì phải có nhiều yếu tố như đất, nước, gió, lửa, ánh sáng mặt trời, cày bừa... để hỗ trợ, đó gọi là duyên. Còn người tu hành muốn đạt được quả vị, thì phải nhờ công đức hành đạo, tham thiên để tạo duyên.

15. *Ngôi vị của Chơn linh được an ngự trên tòa sen quý báu.*

16. *Đó là cái kết quả tương xứng với công đức tu hành.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Les Messages Spirites**, *Hội Thánh Tây Ninh*
- **Thuyết Đạo Phạm Hộ Pháp**
- **Tự Điển Cao Đài Nguyễn Văn Hồng**
- **Tam Thánh Bạch Vân Động Trần Văn Rạng**
- **Chú Giải Kinh Thế Đạo Quách Văn Hòa**
- **Những Cuộc Đời Ngoại Hạng Nguyễn Hiến Lê**
- **Lịch Sử Và Triết Lý Đạo Cao Đài Nguyễn Minh Ngời**
- **Bài Viết Về Victor Hugo Trần Thu Lan**
- **Thân Phận Lưu Đày Của Kiều Vô Công Liêm**

CHÂN THÀNH TRI ÂN QUÝ TÁC GIẢ TRÊN

DANH NGÔN CỦA VICTOR HUGO

❖ Âm nhạc thể hiện những điều không thể nói nhưng cũng không thể lặng câm.

Music expresses that which can not be said and on which it is impossible to be silent.

❖ Tiếng cười là mặt trời đuổi mùa đông khỏi gương mặt con người.

Laughter is the sun that drives winter from the human face.

❖ Niềm tin cần thiết cho con người. Thật thối khổ cho ai không tin tưởng.

A faith is a necessity to a man. Woe to him who believes in nothing.

❖ **Tương lai có rất nhiều tên:** Với kẻ yếu, nó là “Điều không thể đạt tới”. Đối với người hay sợ hãi, nó là “Điều chưa biết”. Với ai dũng cảm, nó là “Cơ hội”.

The future has many names: For the weak, it means the unattainable. For the fearful, it means the unknown. For the courageous, it means opportunity.

Tiền Kiếp NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
Hậu Kiếp NGUYỄN DU, VICTOR HUGO

TÙNG THIÊN—TỪ BẠCH HẠC